



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM

Địa chỉ: 27 Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 09, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0294 3 740234

Fax: 0294 3 740 239

Website: www.tvpharm.com.vn

Email: info@tvpharm.vn

BẢN BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2019

Tháng 4 Năm 2020

NỘI DUNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG.....	2
1.	Thông tin khái quát.....	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3.	Các giải thưởng tiêu biểu.....	3
4.	Ngành nghề kinh doanh.....	4
5.	Sơ đồ tổ chức.....	7
6.	Định hướng phát triển.....	7
7.	Các rủi ro.....	8
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	11
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2.	Tổ chức và nhân sự.....	15
3.	Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	22
4.	Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	22
III.	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.....	23
IV.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	26
1.	Đánh giá môi trường kinh doanh và triển vọng ngành.....	26
2.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	27
3.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	30
V.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	32
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.....	33
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	33
VI.	BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	34
1.	Hội đồng quản trị.....	34
2.	Ban Kiểm soát.....	39
VII.	Báo cáo tài chính.....	45
1.	Ý kiến kiểm toán.....	45
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019.....	46



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
Tên viết tắt	TV.PHARM
Tên Tiếng Anh	TV.PHARM PHARMACEUTICAL JOINT – STOCK COMAPNY
Mã cổ phiếu	TVP
Vốn điều lệ	110.879.360.000 đồng
Trụ sở chính	Số 27, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 9, Tp Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
Điện thoại	(0294) 3740 234
Fax	(0294) 3740 239
Email	info@tvpharm.vn
Website	www.tvpharm.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN	số 2100274872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 09 tháng 5 năm 2003, thay đổi lần 14 ngày 30/12/2017.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Năm	Sự kiện
1992	20/05/1992, Tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước.
1994	Thành lập xí nghiệp sản xuất thuốc, sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu khám trị bệnh cho nhân dân trong tỉnh.
1997	Đầu tư xây dựng mới Nhà máy sản xuất dược phẩm Non β -Lactam với dây chuyền công nghệ máy móc thiết bị hiện đại, trong đó có dây chuyền công nghệ mới về sản xuất thuốc dạng nan mềm đầu tiên trong cả nước và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.
1999	Công ty được Cục quản lý dược – Bộ Y tế cấp Giấy chứng nhận nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt sản xuất thuốc khối ASEAN” (GMP-ASEAN); Kho đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt bảo quản thuốc” (GSP); Phòng Kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm thuốc” (GLP).
2002	Công ty đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2000.



Năm	Sự kiện
2003	Thực hiện cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh.
2006	Đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.PHARM.
2007	Nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh β -Lactam đi vào hoạt động với trang thiết bị hiện đại, trong đó có dây chuyền thuốc tiêm bột là dây chuyền công nghệ hoàn toàn nhập khẩu từ Mỹ, có công suất 10 triệu lọ/năm.
2008	Nâng cấp Nhà máy Non β -Lactam từ tiêu chuẩn GMP-ASEAN lên tiêu chuẩn GMP-WHO. Chú trọng đầu tư mở rộng mạng lưới phân phối khắp toàn quốc. Công ty được Cục quản lý dược-Bộ Y tế chứng nhận hai Nhà máy sản xuất Non β -Lactam và β -Lactam đều đạt tiêu chuẩn GMP-WHO.
2009	Hệ thống quản lý chất lượng được đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008.
2010	Ký kết hợp đồng xuất khẩu đầu tiên sang Nigeria.
2013	Xây dựng Nhà máy thực phẩm chức năng.
2014	Cải tạo nâng cấp Nhà máy Non β -Lactam.
2016	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước SCIC hoàn tất việc thoái toàn bộ phần vốn góp chiếm 43,47% vốn điều lệ tại TV.PHARM.
2017	Phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức, nâng vốn điều lệ lên 110.879.360.000 đồng. 10/2017: Nâng cấp tiêu chuẩn đạt ISO 9001:2015 của UKAS - Anh do NQA Việt Nam đánh giá.
2019	<ul style="list-style-type: none">- TV.PHARM ra mắt dòng sản phẩm bảo vệ sức khỏe Phariton với các sản phẩm: Phariton Bỏ Gan, Phariton Bỏ Não, Phariton Ginseng (19/03/2019) - Phariton TVP (21/11/2019). Thay đổi diện mạo mới cho dòng sản phẩm Travicol gồm 5 sản phẩm: Travicol Flu, Travicol Extra, Travicol 650, Travicol PA, Travicol F.- Cải tạo Nhà xưởng hiện hữu thành Nhà máy đông dược, dự kiến triển khai sản xuất vào quý 3/2020.- Công ty được giao làm chủ đầu tư dự án Khu dược phẩm công nghệ cao, với mục tiêu là sản xuất thuốc tân dược đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, GMP - EU, sản xuất sản phẩm sinh học, công suất thiết kế 1.5 tỷ viên/năm.

3. Các giải thưởng tiêu biểu

- Nhà máy được quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế GMP – WHO, GLP, GSP, ISO 9001:2000.
- Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới do Chủ tịch nước trao tặng.
- Cúp vàng ISO 2007 do Bộ khoa học và công nghệ chứng nhận.
- Cúp vàng thương hiệu Việt năm 2007.

- Được người tiêu dùng bình chọn qua báo Sài Gòn Tiếp Thị là hàng Việt Nam chất lượng cao nhiều năm liền.
- Danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.
- Huân chương Lao động Hạng 1.
- Huân chương Lao động Hạng 2.
- Huân chương Lao động Hạng 3.
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ y tế.
- Bằng khen của UBND Tỉnh Trà Vinh.
- Cờ thi đua của Chính phủ và UBND Tỉnh Trà Vinh.
- Bằng khen của các Bộ ngành liên quan, BHXH Việt Nam, Cục thuế Tỉnh.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu thuốc tân dược, đông dược, sinh phẩm y tế và thực phẩm chức năng; thuốc và nguyên liệu, tá dược dùng cho thú y; nguyên liệu, hương liệu, tá dược, bao bì dùng làm thuốc cho người và trang thiết bị dùng trong ngành y dược; mỹ phẩm, hóa chất xét nghiệm, thiết bị dùng trong phòng thí nghiệm (lý - hóa -sinh), thuốc sát trùng (dùng ngoài).
- Sản xuất thực phẩm dinh dưỡng, sữa, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết, nước uống từ dược liệu và nước uống không chứa cồn.
- Kinh doanh vật tư y tế tiêu hao và đầu tư vào các Công ty trong ngành dược.

Các nhóm sản phẩm do Công ty sản xuất:

Hiện tại, Công ty CP Dược phẩm TV.Pharm có tổng cộng 220 sản phẩm thuốc tân dược và 15 sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe (TPCN) được cấp số đăng ký sản xuất và lưu hành.

Dòng sản phẩm Non Beta-Lactam, gồm các nhóm:

- + Hạ sốt, giảm đau
- + Hô hấp
- + Tim mạch
- + Tiêu hóa

Các sản phẩm tiêu biểu: dòng sản phẩm Travicol, Di-angesic Codein, Neo-corclion F, Terpincodein-F

Dòng sản phẩm Beta-Lactam:

- + Nhóm kháng sinh tiêm: sản phẩm tiêu biểu gồm: Traforan, Ceftazidim, ...
- + Nhóm kháng sinh uống:
 - Dạng viên: Travinat, Cepodoxim, Orenko, Cefdinir, ...
 - Dạng gói: Cefaclor, Cefalexin, ...

Dòng sản phẩm Thực phẩm bảo vệ sức khỏe: Phariton TVP, Phariton Bỏ gan, Phariton Bỏ não, Phariton Ginseng Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm của Công ty được phân phối rộng khắp trên cả nước.

Ngoài ra Công ty cũng xuất khẩu sản phẩm sang một số quốc gia khác như Nigeria và một số nước ASEAN.

Các chi nhánh trực thuộc:

1. VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN – CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 452 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Fax: (0243) 8238 417

Di động: 0913 201 565 – 0947 519 100

2. CHI NHÁNH CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI TRÀ VINH

Địa Chỉ: 27 Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

Điện Thoại: (0294) 3753 072

Fax: (0294) 3753 072

3. CHI NHÁNH CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI AN GIANG

Địa chỉ: 11B Bùi Thị Xuân, Phường Mỹ Xuyên, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (0296) 6253 137

Fax: (0296) 6253 117

4. CHI NHÁNH CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 29 Hồ Văn Đại, Phường Quang Vinh, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (0251) 3943 504

Fax: (0251) 3943 505

5. CHI NHÁNH CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 423 Trưng Nữ Vương, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: (0236) 3633 951

Fax: (0236) 3633 952

6. CHI NHÁNH CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI TP HỒ CHÍ MINH

Địa Chỉ: FF5 Ba Vì, Cư Xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện Thoại: (0287) 3028 384

Fax: (0287) 3002 839

7. CHI NHÁNH CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI Ồ CÀN THƠ

Địa Chỉ: 30-32 Đường Xuân Thủy, Khu Dân Cư Hồng Phát, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện Thoại:(0292) 378 1345

Fax: (0292) 3781 456

8. CHI NHÁNH CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 14, Ngõ 12 Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (0243) 7833 516 – (0243) 7833 517

9. CHI NHÁNH CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Lô 29 Đường B1, Khu Đô Thị Vĩnh Diêm Trung, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (0258) 3896 579

Fax: (0258) 3896 539

10. CHI NHÁNH CÔNG TY CPDP TV.PHARM TẠI ĐẮK LẮK

Địa chỉ: A8, Khu Hiệp Phúc, Phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh DakLak

Điện thoại: (0262) 3877 784

Fax: (0262) 3877 784

11. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI THANH HÓA

Địa chỉ: Số 14, đường Trần Thủ Độ, Phường Đông Hải, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: (0237) 3913 868 – (0237) 3953 868

12. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM– TẠI NGHỆ AN

Địa chỉ :Số 15, ngõ 99, đường Nguyễn Thái Học, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

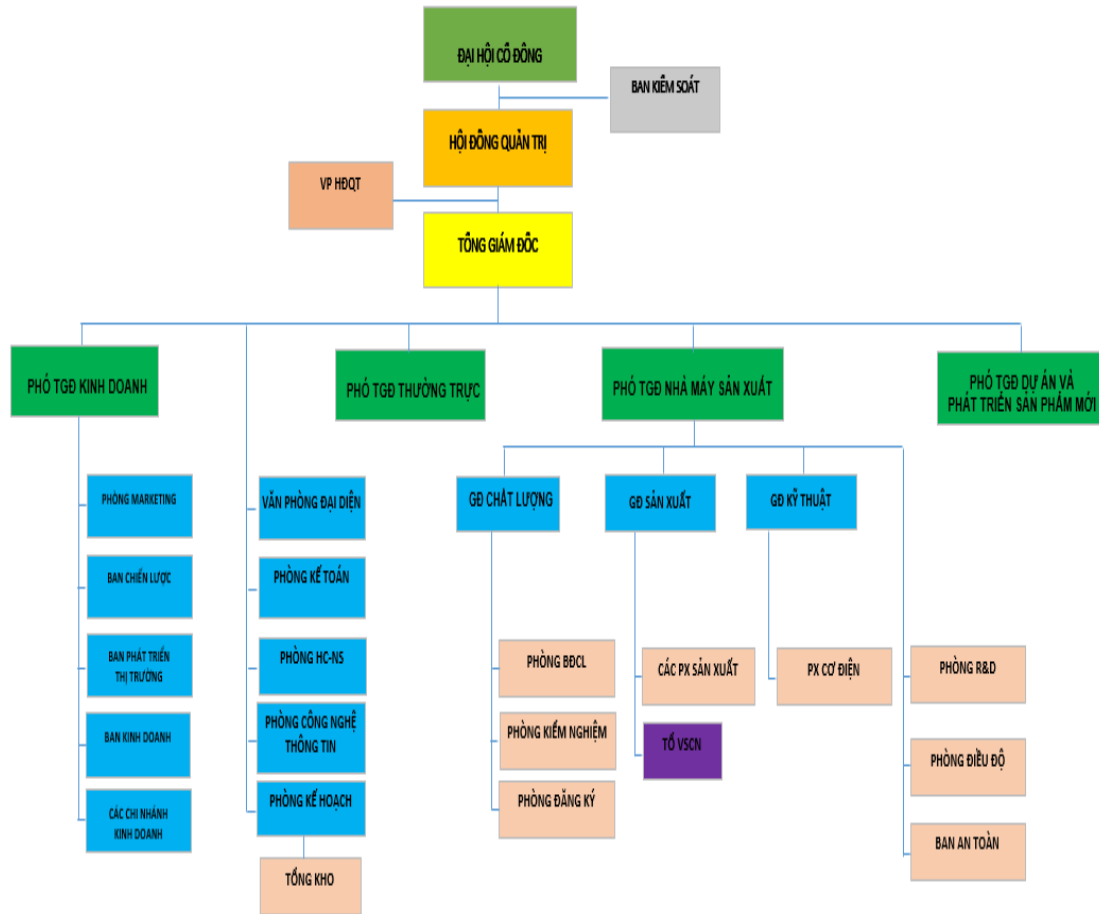
Điện thoại: (0238) 3818 286 – (0238) 3818 386

13. CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM TẠI TIỀN GIANG

Địa chỉ: Số 209, Đường Nguyễn Thị Thập, Khu phố 10, Phường 5, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

5. Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV. PHARM



Công ty con, Công ty liên kết: Không có

6. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phân đầu đạt mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận do Đại hội cổ đông đề ra.
- Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận, nâng cao giá trị Công ty và không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động.
- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.
- Trở thành một trong 10 doanh nghiệp sản xuất dược phẩm lớn nhất tại Việt Nam vào năm 2025.
- Xuất khẩu sản phẩm của Công ty sang thị trường xuất khẩu mục tiêu là ASEAN và Châu Phi.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường phát triển và duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu TV.Pharm.

- Nâng cao chất lượng nguồn lực.
- Nghiên cứu chuyên sâu về những sản phẩm chủ lực của công ty và lĩnh vực điều trị.
- Nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm. Không ngừng cải tiến kỹ thuật để tối ưu hóa giá thành và đa dạng hóa sản phẩm, hướng tới cung ứng sản phẩm chất lượng cao, giá thành hợp lý, dịch vụ hoàn hảo trong quá trình tổ chức lưu thông phân phối.
- Xây dựng Nhà máy đạt chuẩn GMP_EU nhằm mở rộng quy mô sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, đáp ứng yêu cầu về nâng cao chất lượng sản xuất thuốc vào hệ thống điều trị và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài.

Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Luôn lấy phương châm “Chăm sóc sức khỏe cộng đồng là mục tiêu, lấy chất lượng sản phẩm làm cam kết, lấy sự gắn bó đội ngũ nhân viên làm nền tảng phát triển” để từ đó nghiên cứu, cho ra thị trường các sản phẩm dược chất lượng cao, đồng hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Công ty luôn chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng thông qua các hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện ... xứng đáng với danh hiệu “Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới” đã được Chủ tịch nước trao tặng.
- Ngoài ra, Công ty cũng luôn chú trọng đến bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý nguồn lực, tài nguyên thiên nhiên, nâng cao nhận thức cán bộ công nhân viên cùng quan tâm bảo vệ môi trường.

7. Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Kinh tế Việt Nam những năm gần đây ghi nhận các tín hiệu vô cùng tích cực mặc dù có không ít khó khăn do nền kinh tế chung toàn cầu đang chững lại. Giai đoạn 2018-2019, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế lần lượt là 7,08% và 7,02%, là hai năm liên tiếp đầu tiên tốc độ tăng trưởng GDP đạt trên 7% kể từ khi khủng hoảng tài chính xảy ra vào năm 2008. Theo dự báo của Ngân Hàng Thế Giới (World Bank), và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Việt Nam trong năm 2020 vẫn là một điểm sáng kinh tế trong khu vực và thế giới với kỳ vọng tăng trưởng dựa trên đà tăng xuất khẩu do lợi ích từ các hiệp định tự do thương mại. Điều này đã ảnh hưởng tích cực đến tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp trên thị trường nói chung và TVP nói riêng.

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, dân số Việt Nam hiện nay khoảng 95 triệu người, thu nhập bình quân đầu người hơn 2.300 USD và là một trong những nước trong khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế mạnh nhất. Trong khi đó, thị trường Dược phẩm Việt Nam hiện được đánh giá là có mức tăng trưởng cao nhất Đông Nam Á, khoảng 17% hàng năm và theo Business Monitor International (BMI) dự báo quy mô thị trường Dược phẩm Việt Nam sẽ đạt xấp xỉ 7,7 tỉ USD (khoảng 180.000 tỷ đồng) vào năm 2021. Theo thống kê của Cục Quản lý Dược Việt Nam, chi tiêu cho thuốc bình quân đầu người ghi nhận mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2010 – 2015 là 14,6% và sẽ duy trì mức tăng trưởng bình quân ít nhất 14% đến năm 2025, đạt mức 85 USD vào năm 2020 và 163 USD vào năm 2025. Thu nhập ngày càng tăng cao cùng với nhận thức ngày càng chú trọng vào các vấn đề về sức khỏe. Từ đó, mức độ chi tiêu cho các nhu cầu về sức khỏe tăng theo, tạo điều kiện cho các Công ty trong ngành cùng phát triển.

Ngoài ra, môi trường sống ngày càng có nguy cơ ô nhiễm cao làm gia tăng nhiều loại bệnh tật, vô hình trung đã làm tăng mức độ chi trả cho các dịch vụ y tế. Tuy nhiên, hiện tại có rất nhiều nguyên



nhân khách quan và cả chủ quan làm ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta. Thương chiến Mỹ - Trung chưa có dấu hiệu kết thúc, tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát bất ngờ và diễn biến phức tạp, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch ngày càng phát triển, biến đổi khí hậu toàn cầu,... có nguy cơ làm ảnh hưởng đến tình hình kinh tế nước ta. Ban Lãnh đạo Công ty luôn chủ động xem xét các nhân tố vĩ mô để kịp thời đề ra các biện pháp nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho Công ty và các cổ đông.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty chịu sự ảnh hưởng bởi nhiều bộ Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế, Bộ Luật Lao động, Luật Chứng khoán, Luật Dược, Luật Đấu thầu... Các văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện, vì thế những thay đổi, điều chỉnh là điều không thể tránh khỏi. Một số quy định, chính sách ngành Dược về đăng ký thuốc, giá thuốc, đấu thầu, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội... thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và bất cập, có thể dẫn đến khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp Dược nói chung và TV.Pharm nói riêng.

Để phần nào phòng ngừa và kiểm soát rủi ro về pháp luật, đảm bảo cho hoạt động của Công ty được liên tục và ổn định, Ban Lãnh đạo TV.Pharm luôn phân bổ nhân sự để theo sát, thường xuyên cập nhật kịp thời và tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định trong ngành dược, các chính sách kế toán, tài chính, thuế...

Rủi ro tỷ giá

Các doanh nghiệp dược Việt Nam nói chung và TV.PHARM nói riêng đa phần đều sử dụng dược liệu nhập khẩu cho sản xuất và các sản phẩm thuốc tân dược nhập khẩu khác cho hoạt động kinh doanh thương mại. Khi rủi ro biến động tỷ giá hối đoái USD/VND xảy ra sẽ ảnh hưởng đáng kể lên giá vốn hàng bán và chi phí tài chính của Công ty. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá Đô la Mỹ. Trong năm 2019, tỷ giá VND/USD chịu áp lực tăng giá nhưng không quá lớn. Nguồn cung ngoại tệ của nước ta vẫn khá tốt nhờ vào xuất siêu và nguồn vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài. Bên cạnh đó, trước mục tiêu hàng đầu của Chính phủ là ổn định kinh tế vĩ mô, Ngân hàng Nhà nước đã có những biện pháp điều hành chính sách tỷ giá nhằm ổn định thị trường.

Dù vậy trong thời gian tới, tình hình kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, tỷ giá vẫn nằm dưới áp lực tăng giá. Do đó, Công ty không chủ quan mà vẫn luôn theo sát tình hình biến động tỷ giá để có thể kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp.

Rủi ro nguyên vật liệu

Khó khăn điển hình đối với các Công ty dược tại Việt Nam là chưa chủ động được nguồn cung nguyên vật liệu, phụ thuộc phần lớn vào nhập khẩu. Theo Tổng cục hải quan, Trung Quốc và Ấn Độ hiện là 02 nguồn cung nguyên liệu dược phẩm lớn nhất cho Việt Nam, chiếm lần lượt 63,7% và 16,7% tỷ trọng nguyên liệu dược phẩm nhập khẩu năm 2019. Là một doanh nghiệp sản xuất, chất lượng cũng như giá nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng rất lớn đến với hoạt động sản xuất của công ty. Việc phụ thuộc vào nguồn cung nguyên liệu từ nước ngoài khiến các doanh nghiệp sản xuất dược phẩm trong nước đối mặt với nhiều khó khăn. Từ năm 2018 đến nay, giá nguyên liệu sản xuất tân dược tăng lên đáng kể do Chính phủ Trung Quốc thực hiện những chính sách cải thiện môi trường khắt khe. Điều này dẫn đến giá nguyên liệu đầu vào nhiều khả năng sẽ còn diễn biến phức tạp trong thời gian dài.

Trong trường hợp giá nguyên liệu nhập khẩu tăng quá cao sẽ làm giảm biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp sản xuất nhóm thuốc Generics như TV.PHARM.

Mặt khác, hiện nay các doanh nghiệp dược Việt Nam chưa đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới, phân khúc chủ yếu vẫn là sản phẩm dược cho kênh OTC (thuốc không kê toa). Do đó, gánh nặng về chi phí bán đã làm giảm năng lực cạnh tranh của nhiều doanh nghiệp. Để khắc phục bất cập này, Công ty luôn tìm kiếm, lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, cung cấp sản phẩm có chất lượng, đồng thời xây dựng mối quan hệ hợp tác tốt để có thể duy trì được nguồn cung nguyên liệu đầu vào ổn định, giá cả hợp lý.

- Rủi ro tiếp cận nguồn thuốc mới

Thuốc biệt dược gốc (thuốc brand name) là những loại thuốc mới được phát minh, sau khi trải qua quá trình nghiên cứu, thử nghiệm lâu dài và nghiêm ngặt. Những hãng dược phát minh thuốc mới phải bỏ ra khoản chi phí ban đầu rất lớn, và thường phải mất 10 – 20 năm để hoàn tất quá trình này. Do đó, những Công ty này được phép độc quyền sản xuất và kinh doanh thuốc mới trên thị trường trong khoảng thời gian 7 – 10 năm hoặc hơn tùy vào từng loại thuốc.

Sau khi hết thời hạn độc quyền, các Công ty dược khác có thể xin cấp phép để sản xuất thuốc có thành phần tương tự như thuốc brand name, với giá bán rẻ hơn rất nhiều lần, được gọi là thuốc generic. Dù vậy, một số hãng dược có xu hướng tìm cách kéo dài thời hạn bảo hộ thuốc sáng chế. Điều này khiến cho các Công ty dược khác khó khăn hơn trong việc tiếp cận công thức thuốc mới. Đây là một rủi ro đối với các doanh nghiệp dược nói chung cũng như của TV.PHARM nói riêng.

- Rủi ro về chất lượng

Là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm, có ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, TVP luôn phải đảm bảo đáp ứng được các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của ngành Dược. Trong đó đặc biệt có hai tiêu chí quan trọng mà Công ty luôn hướng đến là Thực hành sản xuất thuốc tốt (GMP) và Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đưa ra. Hiện Công ty đã có hai nhà máy đạt tiêu chuẩn WHO-GMP và trong năm 2019, Công ty được giao làm chủ đầu tư dự án Khu dược phẩm công nghệ cao – Trà Vinh, với mục tiêu là sản xuất thuốc tân dược đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, GMP - EU, sản xuất sản phẩm sinh học, với tổng mức vốn đầu tư lên đến 650 tỷ đồng. Hiện Công ty đang trong quá trình hoàn thiện và nâng tầm lên vị thế mới nhằm đạt được thị phần cao hơn cũng như nhắm đến phân khúc khách hàng cao cấp.

Nguồn nhân lực của Công ty cũng được chọn lựa, đào tạo kỹ lưỡng về chuyên môn để có thể vận hành tốt các khâu trong quá trình sản xuất. Hàng năm, Công ty đều tổ chức chuyên đề tập huấn, đào tạo cho các cán bộ, công nhân viên như đào tạo tổng quát về các tiêu chuẩn GPs, các nguyên tắc khi đi vào khu vực sản xuất, áp dụng GMP/ISO vào công việc trong bộ phận sản xuất, vận hành, vệ sinh thiết bị trong nhà máy,... Tất cả đều nhằm mục tiêu tạo ra được các sản phẩm có chất lượng cao, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng

- Rủi ro về nhân sự

Dược phẩm là ngành đặc thù đòi hỏi nhân sự có trình độ và năng lực cao để nghiên cứu, sản xuất và phân phối các sản phẩm. Do đó, nhân sự là một trong những yếu tố quyết định thành bại trong các chiến lược về hoạt động sản xuất kinh doanh của TV.Pharm. Với phương châm hướng đến chất lượng dịch vụ hoàn hảo, sản phẩm có tính năng vượt trội, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, Công ty luôn



đẩy mạnh công tác đào tạo nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là nguồn nhân lực cấp cao. Bên cạnh đó, Công ty cũng duy trì cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ quản lý và cán bộ có chuyên môn. Công ty cũng hướng đến đội ngũ quản lý thương hiệu và Marketing để đẩy mạnh chiến dịch quảng bá, tăng độ nhận diện thương hiệu đến người tiêu dùng.

- Rủi ro cạnh tranh

Thị trường dược phẩm Việt Nam được đánh giá là một thị trường tiềm năng với tỷ lệ tăng trưởng nhanh nhất Châu Á. Tổ chức nghiên cứu thị trường Business Monitor International (BMI) dự báo, quy mô thị trường dược Việt Nam sẽ đạt 7,7 tỷ USD vào năm 2021. Trong thời gian tới, ngành dược lại là một trong những ngành công nghiệp được Nhà nước khuyến khích phát triển. Điều này đã thu hút mạnh các nhà đầu tư ngoại và nội, tạo nên sự đa dạng trong cả cung và cầu, song song đó là sự cạnh tranh mạnh mẽ do hội nhập mang lại. Bên cạnh đó, thói quen tiêu dùng của người Việt Nam là ưa chuộng các sản phẩm ngoại nhập hơn sản phẩm nội địa, vô hình trung đã khiến áp lực cạnh tranh ngày càng nặng nề hơn.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty cần phải tìm hiểu thông tin về đối thủ cạnh tranh; tận dụng tối ưu lợi thế về cơ sở hạ tầng và thương hiệu Công ty; giữ mối quan hệ tốt và liên lạc thường xuyên với khách hàng hiện hữu để kịp thời cập nhật những thay đổi, nhu cầu của khách hàng; liên tục cải tiến quy trình và đưa ra giải pháp cung ứng dịch vụ đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

- Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro đã được trình bày, Công ty còn phải đối mặt với những tình huống khác như thiên tai, cháy nổ, hỏa hoạn,... Đây là những trường hợp bất khả kháng, khi xảy ra sẽ để lại thiệt hại nặng nề về người và tài sản. Chính vì thế, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về Phòng cháy chữa cháy và mua bảo hiểm tất cả tài sản, con người của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Nhận định tình hình năm 2019

Bối cảnh kinh doanh năm 2019 được dự báo sẽ diễn biến tích cực hơn tuy nhiên khó khăn và thử thách vẫn tồn tại song hành. Trước những biến động phức tạp của tình hình kinh tế thế giới, Ban lãnh đạo nhận thấy sự cần thiết trong việc xác định vị thế cạnh tranh cũng như hiểu rõ sức mạnh của TV.Pharm là điều cần thiết. Từ đó có những định hướng chiến lược phù hợp để không ngừng gia tăng khả năng cạnh tranh, uy tín và hiệu quả kinh doanh, cụ thể:

Thuận lợi

- TVPharm có một số sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao là điều kiện thuận lợi cho kênh ETC năm 2019.
- Đối với kênh OTC Công ty có nhiều chính sách chăm sóc khách hàng, chính sách khen thưởng đối với trình dược viên đã đem lại hiệu quả.
- Thực hiện việc quản lý bán hàng, quản lý nhân viên qua DMS-Mobiwork trang bị điều kiện tốt nhất cho sales.

Khó khăn

- Kênh ETC:
 - Danh mục thuốc tham gia thầu của công ty phần lớn thuộc nhóm 3-nhóm thuốc generic GMP-WHO cạnh tranh rất quyết liệt, giá cả thay đổi theo chiều hướng ngày càng giảm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận công ty.
 - Danh mục thầu nhóm hàng ngày càng giảm về danh mục hoạt chất tham gia hàng và số lượng của mỗi hoạt chất.
- Kênh OTC:
 - Việc quản lý thuốc tại các nhà thuốc, cơ sở bán lẻ ngày càng chặt chẽ hơn, một số mặt hàng chủ lực của TVPharm liên quan đến nhóm quản lý đặc biệt nên doanh số bị giảm do nhà thuốc phải thay đổi giấy phép để được phép bán những mặt hàng này
 - Năm 2019 các nhà thuốc phải nối mạng theo quy định nhà nước và bán thuốc quản lý theo đơn nên cũng hạn chế mua hàng.
 - Do gặp những khó khăn trong kinh doanh nên một số khách hàng nhà thuốc phải thay đổi địa điểm hoặc dừng kinh doanh.

b. Tình hình sản xuất kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược do chính Công ty sản xuất. Ngoài ra, Công ty cũng kinh doanh thương mại đối với một số mặt hàng tân dược nội địa. Trong điều kiện môi trường kinh doanh còn nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc TV.Pharm đã có định hướng chiến lược ngay từ đầu năm; trong năm kịp thời điều chỉnh chiến lược, đề ra giải pháp phù hợp với tình hình thực tế. Sự phối hợp kịp thời, sự linh hoạt trong điều hành, kinh nghiệm thị trường của Ban lãnh đạo cùng với sự quyết tâm, phấn đấu vượt qua khó khăn, nỗ lực của toàn thể người lao động; sự ủng hộ của các khách hàng, các đối tác đã làm nên thành công cho TV.Pharm với con số tăng trưởng kinh doanh năm 2019.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	KH 2019	% TH/KH 2019	% 2019/2018
1	Tổng giá trị tài sản	378.587	365.462	-	-	96,53%
2	Doanh thu thuần	415.058	457.330	600.000	76,22%	110,18%
3	Lợi nhuận từ HDKD	44.176	54.230	-	-	122,76%
4	Lợi nhuận sau thuế	40.144	44.661	48.000	93,04%	111,25%
5	Tỷ lệ chia cổ tức	22%	tạm ứng 12%	10 – 12 %	-	-

Tổng kết cuối năm, TV.Pharm đạt doanh thu thuần 457.330 triệu đồng, tăng 10,18% so với năm 2019. Đồng thời, Công ty ghi nhận mức lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng và vượt gần 23% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận hoạt động từ hoạt động kinh doanh vượt 22,576% kết quả thực hiện của cùng kỳ năm trước, đạt 54.230 triệu đồng. Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 44.661 triệu



đồng, tăng trưởng 11,25% so với cùng kỳ năm trước và đạt 93,04% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân Công ty chưa đạt được con số đã đề ra là do tình hình khan hiếm, tăng giá của nguyên vật liệu trong năm 2019, hợp đồng trúng thầu vẫn phải thực hiện dù không lời hoặc lỗ; việc quản lý thuốc tại các nhà thuốc, cơ sở bán lẻ ngày càng chặt chẽ hơn và việc ra mắt đồng loạt nhiều dòng sản phẩm mới trong năm đã đẩy chi phí tăng khi phải đầu tư nhiều vào công tác quảng cáo nhằm tăng độ nhận diện thương hiệu đến người tiêu dùng, cũng như hỗ trợ chiết khấu thương mại cho các đại lý. Kết quả trên đã cho thấy Ban lãnh đạo Công ty vẫn đi đúng hướng, tập trung vào ngành, nghề chuyên môn và phát triển hơn nữa cả theo chiều sâu và chiều rộng.

Trong thời gian sắp tới, Công ty vẫn sẽ đẩy mạnh tập trung đầu tư cho thị trường OTC nhiều hơn. Ngoài ra, việc Công ty Cổ phần TV.Pharm được giao làm chủ đầu tư dự án Khu dược phẩm công nghệ cao, với mục tiêu là sản xuất thuốc tân dược đạt tiêu chuẩn GMP - WHO, GMP - EU, sản xuất sản phẩm sinh học, công suất thiết kế 1,5 tỷ viên/năm. Dự án triển khai từ tháng 1/2020, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2023.

Cơ cấu doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2019/ Năm 2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu thuần bán thành phẩm	393.964	94,92	394.729	86,31	100,19%
Doanh thu thuần bán hàng hóa	21.094	5,08	62.601	13,69	296,77%
Tổng cộng	415.058	100,00	457.330	100,00	110,18%

Cơ cấu lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: Triệu đồng

Lợi nhuận	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2019/ Năm 2018
	Giá trị	Biên LN gộp (%)	Giá trị	Biên LN gộp (%)	
Lợi nhuận gộp bán thành phẩm	167.325	40,31	158.517	34,66	94,74%
Lợi nhuận gộp bán hàng hóa	810	0,20	963	0,21	118,88%
Tổng cộng	168.135	40,51	159.480	34,87	94,85%



c. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,63	3,01
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,64	1,96
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	34,49	27,85
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	52,64	38,60
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,25	2,58
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,21	1,23
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,67	9,77%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	16,67	17,46%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,68	12,00%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	10,64	11,86%

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty đều có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2018, cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019 đạt 3,01 lần và hệ số thanh toán nhanh đạt 1,96 lần. Nguyên nhân là do mặc dù cả tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều giảm so với năm trước nhưng mức giảm của nợ ngắn hạn nhiều hơn mức giảm của tài sản ngắn hạn, cụ thể, tài sản ngắn hạn giảm 10,71% do công ty giảm lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền, trong khi đó, nợ ngắn hạn giảm đến 22,10% do giảm của các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan, cụ thể là giảm tiền đặt cọc mua hàng trị giá 40 tỷ đồng của Công ty Cổ phần Dược Phẩm và sinh học y tế. Nhìn chung các chỉ số về khả năng thanh toán của TVP vẫn đạt được mức an toàn cao, cho thấy khả năng đảm bảo các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tỷ trọng nợ trong cơ cấu tài sản năm 2019 của Công ty có sự giảm mạnh sau giai đoạn 2016 – 2018 tăng. Cụ thể, tỷ lệ của nợ trên tổng tài sản trong năm 2019 là 27,85% giảm từ 34,49% của năm 2018. Trong đó, giá trị tổng tài sản cuối năm 2019 đã giảm 3,47% trong khi tổng nợ phải trả giảm đến hơn 22% chủ yếu là mức giảm của nợ ngắn hạn. Nhìn chung TVP sử dụng cả nợ và vốn đề tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng chủ yếu vẫn đến từ nguồn vốn tự có của doanh nghiệp. Tỷ trọng

nợ trong cơ cấu vốn hiện tại của Công ty phù hợp với đặc thù ngành cũng như phản ánh giai đoạn sản xuất và kinh doanh dược phẩm gặp nhiều thách thức như hiện nay.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Cả vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Công ty đều tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, vòng quay hàng tồn kho tăng 0,33 vòng đạt 2,58 vòng trong năm 2019, vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,21 vòng trong năm 2018 lên 1,23 vòng vào năm 2019. Trong tình hình hoạt động kinh doanh dược phẩm chịu sức ép cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp nội địa và nước ngoài có tiềm lực mạnh mẽ về tài chính và công nghệ thì kết quả này phản ánh hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty vẫn đạt được các hiệu quả nhất định.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Do tình hình kinh doanh hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty đều tăng trưởng so với năm 2018, dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của TVP đều tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, chỉ số ROA tăng từ 11,68% vào năm 2018 lên 12% vào năm 2019 và ROE tăng từ 16,67% lên 17,46%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản và lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/doanh thu thuần của Công ty cũng tăng nhẹ và đạt lần lượt lên 9,77% và 11,86% vào năm 2019.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

Tính tại thời điểm 07/03/2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Hà Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	289.245	2,61%
2	Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng Giám đốc thường trực	-	-
3	Nguyễn Văn Tầm	Phó Tổng Giám đốc phụ trách dự án phát triển cụm công nghiệp dược và sản xuất sản phẩm mới	-	-
4	Sơn Cao Thắng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nhà máy sản xuất	-	-
5	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	81.018	0,73%
6	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Kế toán trưởng	36	0,00%

2.2. Lý lịch Ban Điều hành

1. Ông Hà Ngọc Sơn – Tổng Giám đốc

◆ Ngày sinh	19/08/1974
◆ Quốc tịch	Việt Nam



◆ Trình độ chuyên môn	Cử nhân
◆ Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none">- 4/2001 – 3/2003: Đại diện phụ trách xuất nhập khẩu hàng hóa nông sản sang thị trường Nga cho Công ty Danh Sơn tại TP.HCM- 4/2003 - 1/2006: Tham gia là thành viên sáng lập và phụ trách sản xuất của CTCP Thực phẩm Việt Nam- 02/2006 – nay: Giám đốc điều hành CTCP Thực phẩm Việt Nam- 11/2016 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Dược phẩm TV.Pharm- 6/2017 - 30/07/2019: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm TV.Pharm- 30/07/2019 - Nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm TV.Pharm
◆ Chức vụ hiện tại	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Dược phẩm TV.Pharm
◆ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	<ol style="list-style-type: none">1. Công ty cổ phần Aikya: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc,2. Công ty cổ phần Dược Aikya: Tổng Giám đốc3. CTCP Dược phẩm và Sinh học Y tế: Thành viên Hội đồng quản trị.4. CTCP Dược phẩm Spharm: Chủ tịch Hội đồng quản trị.5. CTCP thực phẩm Việt Nam: thành viên Hội đồng quản trị.

2. Ông Nguyễn Thành Sĩ – Phó Tổng Giám đốc

◆ Ngày sinh	1967
◆ Quốc tịch	Việt Nam
◆ Trình độ chuyên môn	Dược sỹ Đại học, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
◆ Quá trình công tác	<p>12/1991-03/1992: Nhân viên Xí nghiệp dịch truyền Cửu Long</p> <p>05/1992-09/2003: Phó phòng Kế hoạch Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh</p> <p>10/2003-09/2005: Phó phòng Kế hoạch CTCP Dược phẩm TV. Pharm</p> <p>10/2005-10/2011: Trưởng phòng Kế hoạch CTCP Dược phẩm TV. Pharm</p> <p>11/2011-07/2012: Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Dược phẩm TV. Pharm</p> <p>08/2012-04/2019: Phó Tổng Giám đốc kinh doanh CTCP Dược phẩm TV.Pharm</p> <p>04/2019-nay: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Dược phẩm TV. Pharm</p>



♦ Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Thường trực CTCP Dược phẩm TV. Pharm
♦ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

3. Ông Nguyễn Văn Tầm – Phó Tổng Giám đốc

♦ Ngày sinh	29/12/1972
♦ Quốc tịch	Việt Nam
♦ Trình độ chuyên môn	Dược sỹ Đại học
♦ Quá trình công tác	09/1993-08/2002: Quản đốc phân xưởng Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh 08/2006-10/2011: Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển – Nhà máy sản xuất 11/2011-08/2018: Trưởng phòng Kế hoạch CTCP Dược phẩm TV. Pharm 08/2018-04/2019: Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất CTCP Dược phẩm TV. Pharm 04/2019-nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Dự án phát triển Cụm công nghiệp dược – sản phẩm sản xuất mới CTCP Dược phẩm TV. Pharm
♦ Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Dự án phát triển Cụm công nghiệp dược–sản phẩm sản xuất mới tại CTCP Dược phẩm TV. Pharm
♦ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên dược phẩm công nghệ cao TVP

4. Ông Sơn Cao Thắng – Phó Tổng Giám đốc

♦ Ngày sinh	07/12/1961
♦ Quốc tịch	Việt Nam
♦ Trình độ chuyên môn	Dược sỹ Đại học
♦ Quá trình công tác	1983 - 1985: Trưởng phòng xét nghiệm Trạm phòng chống sốt rét tỉnh Cửu Long 1985 – 1988: Phó phòng xét nghiệm Bệnh viện Cầu Ngang tỉnh Cửu Long 1993 – 2016: Phó Giám đốc Nhà máy CTCP Dược phẩm TV.Pharm 2016 – 03/2019: Giám đốc Sản xuất CTCP Dược phẩm TV. Pharm 04/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nhà máy sản xuất CTCP Dược phẩm TV. Pharm



♦ Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nhà máy sản xuất CTCP Dược phẩm TV. Pharm
♦ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

5. Ông Lê Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc

♦ Ngày sinh	04/12/1968
♦ Quốc tịch	Việt Nam
♦ Trình độ chuyên môn	Dược sỹ Đại học
♦ Quá trình công tác	1994 – 1997: Công tác tại Công ty Gedeon Richter – Hungary 1997 – 1998: Công tác tại Công ty OPV (Overseas) USA 12/1999 – 08/2002: Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty Dược Vật tư y tế Trà Vinh 09/2002 – 05/2005: Phó Phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Dược phẩm Trà Vinh 06/2005 - 03/2011: Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Dược phẩm TV. Pharm 03/2013 – 02/2017: Phó Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Dược phẩm TV. Pharm 02/2017 – 04/2019: Giám đốc kênh OTC 04/2019– nay: Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh CTCP Dược phẩm TV. Pharm kiêm Giám đốc kênh OTC
♦ Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc OTC CTCP Dược phẩm TV. Pharm
♦ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không

6. Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm – Kế toán trưởng

♦ Ngày sinh	1977
♦ Quốc tịch	Việt Nam
♦ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
♦ Quá trình công tác	12/1999-03/2006: Nhân viên Công ty dược vật tư y tế Trà Vinh 03/2006-08/2018: Phó phòng kế toán CTCP Dược phẩm TV. Pharm 08/2018-nay: Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm TV. Pharm
♦ Chức vụ hiện tại	Kế toán trưởng CTCP Dược phẩm TV. Pharm



♦ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Không
----------------------------------	-------

Danh sách thay đổi thành viên Ban điều hành trong năm 2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Chức vụ cũ	Chức vụ mới	Lý do
1	Nguyễn Thành Sĩ	Phó Tổng Giám đốc	16/04/2019	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Phân công lại công việc
2	Nguyễn Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc	16/04/2019	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất	Phó Tổng Giám đốc phụ trách dự án phát triển cụm công nghiệp dược và sản phẩm sản xuất mới	Phân công lại công việc
3	Sơn Cao Thắng	Phó Tổng Giám đốc	16/04/2019	-	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất	Bổ nhiệm mới
4	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	16/04/2019	Giám đốc kênh OTC	Phó Tổng Giám đốc kinh doanh	Phân công lại công việc

Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
		(người)	
I	Theo trình độ lao động	624	100,00%
1	Trình độ trên đại học	12	1,92%
	<i>Trong đó trên đại học chuyên ngành Dược</i>	<i>4</i>	
2	Trình độ đại học, cao đẳng	201	32,21%
	<i>Trong đó Dược sỹ đại học</i>	<i>58</i>	
3	Trình độ trung cấp	253	40,54%
	<i>Trong đó Dược sỹ trung học</i>	<i>230</i>	
4	Công nhân kỹ thuật	51	8,17%



5	Lao động phổ thông	107	17,15%
II	Theo loại hợp đồng lao động	624	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	506	81,09%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	14	2,24%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	104	16,67%
III	Theo giới tính	624	100,00%
1	Nam	342	54,81%
2	Nữ	282	45,19%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động (người)	600	680	652	624
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.909.886	5.557.659	6.717.662	7.184.927

Chính sách nhân sự

Nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp. Vì vậy nên Ban lãnh đạo đã luôn dành sự quan tâm nhằm phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp. TV.Pharm đã tạo mọi điều kiện cho người lao động, đặc biệt là lao động cấp cao, lao động chất xám trong ngành Dược được yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Vì vậy, chính sách đãi ngộ lao động luôn được Công ty xem trọng và liên tục cải thiện. Tại TV.Pharm, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ cho người lao động phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng, tương xứng với mức độ cống hiến của từng cá nhân và đủ sức cạnh tranh trong thị trường lao động.

Về đào tạo:

TV.Pharm luôn coi việc phát triển nguồn nhân lực có chất lượng là điều kiện tiên quyết để Công ty có thể tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường. Với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nguồn nhân lực, Công ty đã xây dựng quy trình đào tạo khoa học, hệ thống nhằm mang lại hiệu quả cao. Tại đây, mọi CBCNV đều được đào tạo nâng cao kiến thức để đảm bảo hoàn thành tốt nhất công việc được giao.

- Công nhân được đào tạo nâng cao tay nghề, thường xuyên được huấn luyện theo chuẩn GMP và ISO để thực hiện sản xuất;
- Đội ngũ nhân viên bán hàng luôn được cập nhật kiến thức sản phẩm, trau dồi về khả năng giao tiếp, marketing và kỹ năng bán hàng;



- Đội ngũ quản lý được đào tạo ngắn hạn, dài hạn nhằm nâng cao năng lực chuyên môn để hoàn thành và phát triển công việc.

Về phúc lợi và môi trường làm việc:

Nguồn nhân lực được Công ty đặt vào vị trí trung tâm hàng đầu trong mọi hoạt động, đặc biệt là nhân sự của khối bán hàng và các nhà máy công nghệ cao. Do đó, Công ty luôn không ngừng cải thiện môi trường làm việc và các chính sách lương thưởng, phúc lợi ổn định. Trong năm, Công ty tạo điều kiện cho CB.CNV tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao và đều đặn tổ chức các chuyến du lịch, tham quan để tăng sự kết nối và tinh thần đoàn kết của tập thể.

Chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty luôn rõ ràng, minh bạch. Việc trích nộp và thanh toán bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp luôn được Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về chính sách lương:

Công ty thực hiện chế độ tiền lương theo đúng quy chế tiền lương của Công ty, đảm bảo cán bộ công nhân viên tại từng bộ phận khác nhau được hưởng thu nhập tương xứng với công việc mà mình đảm nhận. Chế độ thưởng cho cán bộ công nhân viên được Ban lãnh đạo Công ty xây dựng dựa trên kết quả kinh doanh của Công ty.

Các phúc lợi khác của người lao động trong Công ty cũng được đảm bảo. Hằng năm, cán bộ nhân viên được tổ chức các buổi tham quan, nghỉ dưỡng, các hoạt động văn nghệ thể thao nhằm tái tạo sức lao động, đồng thời nâng cao tinh thần đoàn kết giữa nhân viên toàn Công ty.

Công ty hình thành quỹ lương theo doanh thu. Người lao động làm việc tại Công ty được chia làm ba khối: văn phòng, sản xuất, kinh doanh. Mỗi khối, Công ty sẽ áp dụng hình thức trả lương phù hợp với tính chất công việc, trình độ chuyên môn và mức độ hoàn thành công việc phù hợp với pháp luật lao động và quy định của Công ty.

Khối văn phòng: Áp dụng hình thức trả lương công việc gắn với thời gian.

Khối sản xuất: Áp dụng hình thức giao khoán Quỹ lương sản phẩm cho Nhà máy theo đơn giá tiền lương từng đơn vị sản phẩm.

Khối kinh doanh: áp dụng hình thức khoán quỹ lương theo doanh thu.

Tùy theo hiệu quả và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, người lao động được chi lương bổ sung vào các dịp lễ 30/04, 02/09 và/hoặc tháng lương 13.

Về chính sách khen thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Công ty áp dụng chính sách khen, thưởng:

- Thưởng vượt doanh số khoán đối với nhân viên bán hàng (theo từng quý).
- Khen, thưởng danh hiệu cuối năm: đối với cá nhân và tập thể toàn Công ty. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân và tập thể trong việc thực hiện tốt nội quy, quy chế Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới; có sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh,...



- Đề xuất khen thưởng cho cá nhân và tập thể theo hướng dẫn của Hội đồng thi đua khen thưởng Tỉnh, Trung ương.
- Khen đột xuất cho cá nhân, tập thể có thành tích nổi bật, điển hình.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2019, Công ty đã triển khai các dự án đầu tư sau:

- Thực hiện xin chủ trương đầu tư Khu Dược phẩm công nghệ cao TVP;
- Đầu tư phần mềm quản lý doanh nghiệp ERP để quản trị công ty và đã triển khai thành công, đang trong giai đoạn hoàn thành nghiệm thu;
- Đầu tư mới, sửa chữa máy móc, trang thiết bị Nhà máy sản xuất.
- Đầu tư nhà máy Đông dược.

4. Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 11.087.936 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.087.782 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 154 cổ phiếu
Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

Tính đến ngày 31/12/2019

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	221	11.040.481	99,67%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	7	9.329.932	84,23%
3	Cổ đông cá nhân	214	1.710.549	15,44%
II	Cổ đông nước ngoài	4	36.755	0,33%
1	Tổ chức	2	26.800	0,24%
2	Cá nhân	2	9.955	0,09%
III	Cổ phiếu quỹ	1	154	0,00%
Tổng cộng		225	11.077.390	100,00%



Danh sách cổ đông lớn của Công ty tính đến ngày 31/12/2019:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
Công ty Cổ phần Dược Aikya	9.115.697	91.156.970.000	82,29%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2019, TVP không thực hiện tăng vốn cổ phần

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp phát triển bền vững

TV.PHARM là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dược phẩm trải qua hơn 27 năm hình thành và phát triển, đóng góp nhiều giá trị kinh tế và xã hội cho cộng đồng, TVP ý thức được rằng các giá trị này phải bền vững qua thời gian, tức không chỉ đáp ứng cho thế hệ hiện tại mà còn phải được giữ gìn và phát huy đến các thế hệ tương lai. TVP quan niệm hoạt động sản xuất kinh doanh phải đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái; giá trị kinh tế phải đi đôi với giá trị nhân văn và lợi ích cộng đồng; Vì vậy, TVP định hướng và xây dựng các chỉ tiêu phát triển bền vững trên các nội dung chính: Tăng trưởng kinh tế bền vững, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, gia tăng lợi ích cho cổ đông và xã hội và giữ gìn các giá trị này đến thế hệ sau.

Trên những quan niệm về phát triển bền vững của tập thể Ban Lãnh đạo và cán bộ công nhân viên của Công ty cùng với sứ mạng "Chăm sóc sức khỏe cộng đồng", TV.PHARM trong các giai đoạn phát triển đã thể hiện ý thức trách nhiệm với cộng đồng và xã hội thông qua hàng loạt các hoạt động thiện nguyện, chăm sóc sức khỏe, khắc phục khó khăn cũng như chia sẻ niềm vui cho đồng bào có cuộc sống khó khăn ở các tỉnh vùng sâu vùng xa.

Trong giai đoạn phát triển sắp tới, hội nhập toàn cầu trở nên sâu rộng, các giá trị kinh tế ngày càng được mở rộng không chỉ trong nước và còn ở nước ngoài, hoạt động sản xuất cũng được gia tăng, các chính sách phát triển bền vững ngày nay không chỉ còn là mối quan tâm của các nhà quản lý mà nó cũng được đưa lên bàn nghị sự của các doanh nghiệp nói chung và TVP nói riêng. TVP cam kết tiếp tục thực hiện sứ mạng "Chăm sóc sức khỏe cộng đồng" song song với trách nhiệm đối với môi trường và thế hệ sau.

Giá trị kinh tế mang lại

Công ty cam kết nâng cao hiệu quả và tối đa hóa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ trong việc đóng góp ngân sách nhà nước, đóng góp tích cực và sự phồn vinh và phát triển của xã hội, không ngừng phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

Những năm qua, công ty luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ của một doanh nghiệp đối với công tác đóng góp ngân sách Nhà nước, thực hiện nộp thuế đầy đủ và đúng hạn, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, giữ vững và gia tăng lợi ích cổ đông qua đó góp phần vào quá trình thúc đẩy kinh tế Việt Nam và tỉnh Trà Vinh ngày một phát triển.

Doanh thu: 458.489.024.611 đồng

Mức lương lao động bình quân 2019: 7.184.927 đồng/người/tháng.

a. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Năm 2019, với phương châm chất lượng sản phẩm luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty, nguồn nguyên, vật liệu luôn được xem xét, lựa chọn kỹ lưỡng từ các nhà cung cấp uy tín. Trong quá trình sản xuất, Công ty sử dụng nhiều loại nguyên, phụ liệu để phục vụ cho việc đóng gói, bao bì thuốc như màng PVC, màng nhôm in để ép vỉ thuốc, bao bì, bao giấy để đóng gói sản phẩm.

Công ty đảm bảo tỉ lệ nguyên liệu sử dụng tái chế khoảng $\leq 3\%$ bao gồm các sản phẩm còn lại ở bộ phận, pha chế, dập viên, đóng nang.

Với hệ thống nhà máy và dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP – WHO, TV.PHARM đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty với việc lựa chọn nhà cung ứng uy tín nhằm tạo ra các sản phẩm dược an toàn cho người sử dụng. Hoạt chất, tá dược, bao bì đều được bảo quản phù hợp với đặc tính của từng loại, nhằm tránh tình trạng hư hỏng, kém chất lượng.

b. Tiêu thụ năng lượng

Tiết kiệm năng lượng luôn là vấn đề được quan tâm tại không chỉ TV.Pharm mà tất cả các doanh nghiệp cả nước. Sử dụng năng lượng hợp lý không những tiết kiệm được chi phí sản xuất mà còn góp phần bảo vệ môi trường. TV.Pharm sử dụng nguồn năng lượng điện từ lưới điện quốc gia, để phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất.

Nhận thức được ảnh hưởng của các công trình thủy điện và nhiệt điện đối với hiện tượng biến đổi khí hậu, Công ty luôn ý thức tiết kiệm năng lượng và động viên người lao động thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng. Các biện pháp Công ty thực hiện như sau:

- Sử dụng biến tần để điều chỉnh cho tất cả các thiết bị có công suất từ 5KW/h trở lên (tiết kiệm khoảng 30 – 40%)
- Yêu cầu cán bộ nhân viên Công ty sử dụng điện hợp lý.
- Kiểm soát tải tiêu thụ (cài đặt đúng nhiệt độ, đúng thời gian vận hành)
- Mức tiêu thụ điện trung bình tháng trong năm 2019: 479.240.750 đ

c. Tiêu thụ nước

Trong năm qua, để sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn nước, TV.Pharm đã tiến hành lắp đặt thủy kế nhằm theo dõi, thống kê hàng tháng lượng nước sử dụng. Đơn vị cung cấp nước cho Công ty là Công ty cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh. Nước được xử lý qua hệ thống RO của Nhà máy, sau đó dùng trực tiếp trong quá trình sản xuất của Công ty. Sau khi kết thúc quá trình, nước thải sẽ được xử lý đúng nơi quy định, đảm bảo không thải trực tiếp ra môi trường. Ngoài ra, nước còn được sử dụng cho các hoạt động quản trị doanh nghiệp và sinh hoạt hàng ngày của người lao động Công ty.

Giá trị tiêu thụ nước trung bình mỗi tháng: 14.420.805 đ/tháng



Trong bối cảnh biến đổi khí hậu được dự báo sẽ tiếp tục có những diễn biến khó lường tại miền Tây Nam Bộ, nguồn nước ngọt hết sức có ý nghĩa đối với hoạt động sản xuất và sinh hoạt tại đây. Do đó, Công ty thường xuyên nhắc nhở CB – NV sử dụng nước đúng mục đích và nêu cao ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty.

Các năm sắp tới, Công ty tiếp tục sắp xếp kế hoạch sản xuất khoa học để giảm tiêu hao nước; tăng năng suất hoạt động máy từ đó giảm tiêu hao nước/ đơn vị sản phẩm. Đồng thời thiết kế hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, hệ thống xử lý nước đạt chuẩn và tái sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả.

d. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hiện nay tình trạng ô nhiễm môi trường đang có xu hướng gia tăng. Nhiều nhà máy, xí nghiệp đã không thực hiện đúng những quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường gây ra nhiều bức xúc trong xã hội. Trong bối cảnh đó, những năm qua Công ty luôn thực đúng các quy định của Nhà nước về môi trường. Không những vậy, Công ty cũng đưa ra các quy định chặt chẽ để tránh gây ra vấn đề ô nhiễm nguồn nước, không khí tại các nhà máy sản xuất. Công ty có bộ phận dịch vụ gom rác thải sinh hoạt tại trụ sở chính, các chi nhánh, nhà máy và trong năm 2019, Công ty không chịu bất cứ lần phạt nào cho việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

Ngoài ra, Công ty cũng thường cải tạo môi trường, cảnh quan nơi làm việc để tránh những tác động tiêu cực đến môi trường có thể xảy ra trong tương lai. Với quan niệm bảo vệ môi trường là bảo vệ cho cuộc sống, chính sức khỏe của chúng ta, Công ty luôn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ nhân viên Công ty cùng với các khách hàng để có thể bảo vệ môi trường sống cho thế hệ mai sau.

e. Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lao động nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào sự phát triển của doanh nghiệp là nguồn nhân lực. Nhận thức được điều này, Công ty không chỉ chú trọng vào công tác đào tạo mà còn xây dựng các chính sách lương thưởng hợp lý, tạo dựng một môi trường làm việc an toàn, thân thiện và bình đẳng.

TV.PHARM đã tổ chức chương trình Teambuilding Phan Thiết năm 2019. Chương trình là phần thưởng xứng đáng cho những thành tích xuất sắc của các trình dược viên đã nỗ lực đạt được trong năm 2019. Ngoài việc nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, TVP còn muốn truyền tải tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa Công ty và người lao động, cùng nhau tiếp tục chặng đường thực hiện sứ mạng "Chăm sóc sức khỏe cộng đồng" trong tương lai.

Hoạt động đào tạo người lao động:

Phối hợp các cơ sở đào tạo tổ chức các lớp học huấn luyện kỹ năng cho người lao động, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên:

- An toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy.
- Quản lý hóa đơn và chi phí sản xuất kinh doanh.
- Nghiệp vụ kỹ thuật an toàn thiết bị áp lực, nồi hơi.
- Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm vi sinh.
- Nâng cao năng lực nghiên cứu và kiểm tra chất lượng dược liệu và thuốc từ dược liệu.
- Thực hành sản xuất tốt GMP thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

f. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Ông Hà Ngọc Sơn, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc TV.Pharm cho biết: “Nếu kinh doanh là con đường chông gai thì kinh doanh trong ngành dược lại càng gian nan bội phần bởi bên cạnh việc đảm bảo lợi nhuận cho Công ty phát triển thì một việc lớn hơn mà doanh nghiệp trong ngành dược phải luôn ý thức được là trách nhiệm của mình đối với cộng đồng, với toàn xã hội.”

Đó là lý do hàng năm TV.Pharm luôn trích một phần lợi nhuận và tích cực vận động tập thể CBNV đóng góp để chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng thông qua các hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện giàu ý nghĩa như:

Ngày 18/04/2019, TV.Pharm đồng hành cùng Trung ương Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam đã tổ chức chương trình gala đêm chung kết “Vẻ đẹp vàng Trăng khuyết lần III” tại thủ đô Hà Nội. Với mong muốn chung tay góp sức, hỗ trợ và chia sẻ để người khuyết tật ở Việt Nam có thêm nhiều cơ hội để hòa nhập và phát triển trong cuộc sống.

Tiếp tục hành trình thực hiện sứ mệnh “Chăm sóc sức khỏe cộng đồng”, trong ngày 15/06/2019 TV.PHARM phối hợp với Công đoàn cơ sở Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước; Hội thầy thuốc trẻ tỉnh Bình Phước và Trung tâm Phát triển sức khỏe Bền vững thực hiện chương trình thiện nguyện “Vi sức khỏe cộng đồng” tại xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Trong chương trình, TV.Pharm đã hỗ trợ 300 phần quà cho các hộ gặp khó khăn đến khám và tư vấn sức khỏe. Bên cạnh đó là 10 phần học bổng, mỗi phần trị giá 500.000đ hỗ trợ học sinh nghèo và 5 phần quà đặc biệt mỗi phần trị giá 1.000.000đ dành cho các hộ khó khăn.

Trong thời gian dịch bệnh Covid-19 gần đây, TV.Pharm và Tập Đoàn Aikya phối hợp thực hiện chiến dịch Mang 10 triệu khẩu trang miễn phí đến cho người dân, bệnh nhân, người thân bệnh nhân và các y bác sĩ tại nhiều bệnh viện trên cả nước.

Ngoài ra, Công ty chủ động kết hợp với các ban ngành tổ chức thực hiện đều đặn nhiều dự án nhân đạo, đóng góp vào Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Khuyến học; ủng hộ nạn nhân chất độc da cam; xây cầu bê tông nông thôn, nhà tình thương, nhà tình nghĩa; phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, cứu trợ lũ lụt thiên tai, các chương trình y tế quốc gia, Chương trình 135, Chương trình 139 của Chính phủ...

Trong thời gian tới, TV.Pharm sẽ tiếp tục nhân rộng những việc làm ý nghĩa, góp phần đưa thương hiệu TV.Pharm ngày càng nhận được sự tin tưởng của khách hàng, nhà đầu tư, xứng đáng với danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới đã được Chủ tịch nước trao tặng.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá môi trường kinh doanh và triển vọng ngành

Môi trường kinh doanh

Năm 2019, tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều biến chuyển tích cực, tốc độ tăng trưởng đạt 7,02%; lạm phát, tỷ giá và lãi suất được kiểm soát tương đối ổn định, tạo ra nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn cho các doanh nghiệp chủ động mở rộng phát triển sản xuất, trong đó có TV.Pharm. Tuy nhiên, đi kèm với những lợi ích đến từ tăng trưởng kinh tế và chính sách quản lý vĩ mô thì vẫn còn khá nhiều khó khăn thách thức mà các doanh nghiệp thuộc ngành Dược phẩm nói chung và TV.Pharm nói riêng phải đối mặt. Thứ nhất là sự cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp nội địa và các doanh nghiệp nước ngoài có nhiều tiềm lực về công nghệ - tài chính; thứ hai là chính sách vĩ mô về ngành, đặc biệt



là quản lý việc đấu thầu tại các bệnh viện chưa được minh bạch; thứ ba là việc giá nguyên vật liệu đầu vào phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài, dẫn đến các doanh nghiệp bị động khi giá nguyên vật liệu tăng và nguồn cung khan hiếm.

Triển vọng ngành Dược

Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, số người dân của Việt Nam có độ tuổi từ 65 trở lên dự kiến đạt 7,4 triệu người trong năm 2020 và nhóm 65 tuổi trở lên sẽ tăng gần 7,9% trong tổng dân số của cả nước trong năm 2020 và 18,1% trong năm 2049; tăng nhanh so với mức 7,1% trong năm 2014.

Việt Nam sẽ tiếp tục đạt mục tiêu gần như toàn bộ người dân đều có bảo hiểm y tế vào giai đoạn 2016-2020 (90,7% trong năm 2020). Độ phủ của bảo hiểm y tế tăng từ 60% trong năm 2010 và 90% trong năm 2019, theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Ngoài ra, động lực khác cho ngành dược phẩm bao gồm quá trình đô thị hóa nhanh chóng, đây là yếu tố chính thể hiện tầng lớp trung lưu đang phát triển cũng như thu nhập bình quân đầu người nói chung tăng. Dân số đô thị hóa của Việt Nam đạt 36,2 triệu người trong năm 2020, và có thể tăng từ 33,6% trong năm 2015 lên 36,8% trong năm 2020. Cục quản lý Dược Việt Nam (DAV) ước tính tổng giá trị ngành đạt 7,7 tỷ USD trong năm 2021.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2019, Ban Điều hành đã nỗ lực làm việc, quyết tâm thực hiện kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra và đã có những quyết định kịp thời, đúng đắn nhằm phát triển sản xuất kinh doanh, giữ vững thị phần, đảm bảo ổn định kinh doanh trong điều kiện khó khăn; gia tăng lợi ích cho cán bộ công nhân viên, cổ đông và các bên liên quan. Đi kèm với đó là những biện pháp quản lý chi phí chặt chẽ và hiệu quả, cùng sự nỗ lực của tập thể người lao động trong Công ty, TV.Pharm đạt được những kết quả đáng khích lệ. Các hoạt động tiêu biểu trong năm được cụ thể như:

– Đầu tư phát triển lực lượng bán hàng

Xây dựng cơ chế chính sách lương chung cho toàn công ty, bên cạnh đó có những chính sách hỗ trợ theo cơ chế của vùng để thu hút lượng nhân viên bán hàng (TDV) ở lại và gia nhập vào lực lượng bán hàng của công ty.

Tuyển dụng các vị trí cấp cao - cấp trung cho phòng kinh doanh.

– Tăng độ phủ

Tăng độ phủ đẩy tăng doanh số cơ bản. Việc tăng được độ phủ quan hệ mật thiết với việc duy trì và tăng số lượng TDV.

– Phân loại và xây dựng chính sách đầu tư cho từng khu vực thị trường

Ở mỗi khu vực sẽ có chính sách tập trung vào nhân sự hay điểm bán hàng riêng.

– Đầu tư mở rộng thị trường sản phẩm

– Đầu tư phần mềm quản trị công ty ERP

– Đầu tư cho sản phẩm

Các sản phẩm của công ty tương đối thông dụng trên thị trường và phải chịu sự cạnh tranh của vài chục công ty sản xuất dược phẩm trong nước. Càng ngày kênh ETC càng bị thu hẹp do danh mục thầu bị cắt và lợi nhuận rất ít, cá biệt nhiều sản phẩm bị lỗ do nguyên liệu tăng giá đột ngột.

Mạnh dạn đầu tư vào các sản phẩm chủ lực để tham gia đấu thầu.

Phát triển dòng sản phẩm TPCN: cụ thể đã đầu tư vào nhãn hiệu sản phẩm Phariton : Phariton bỏ gan, Phariton bỏ não, Phariton Ginseng ; Sản phẩm giải độc gan, và ít nhất 5 sản phẩm mới khác.

Đầu tư nhà máy sản xuất đông dược: sẽ cho ra sản phẩm mới trong năm 2020.

– Đầu tư ngân sách cho truyền thông, marketing

Đầu tư các chiến dịch quảng bá; xúc tiến bán cho các nhãn hàng chủ lực.

a. Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	TH 2019/ TH 2018	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019
Tài sản ngắn hạn	336.831	300.772	89,29%	88,97%	82,30%
Tài sản dài hạn	41.756	64.690	154,92%	11,03%	17,70%
Tổng tài sản	378.587	365.462	96,53%	100%	100%

Biểu đồ + Nhận xét

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2019 đạt giá trị hơn 365 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Xét tổng thể, trong năm Công ty đã điều chỉnh tăng tài sản dài hạn và giảm tài sản ngắn hạn. Đồng thời, tài sản ngắn hạn vẫn luôn chiếm tỷ trọng cao hơn 80% trong cơ cấu tổng tài sản, tương ứng chiếm 89%, 82% trong năm 2018 và 2019. Nguyên nhân chính dẫn đến việc giảm giá trị và tỷ trọng của tài sản ngắn hạn là do giá nguyên vật liệu tăng cao trong năm 2019 kèm với diễn biến tình hình bệnh Covid -19 ngày càng trở nên phức tạp vì vậy trong năm Công ty giảm dự trữ nguyên, vật liệu sản xuất và hàng thành phẩm. Bên cạnh đó, việc sử dụng nợ ngắn hạn để đầu tư cho tài sản dài hạn đã trực tiếp làm giảm nguồn tiền lưu động dùng cho sản xuất kinh doanh. Điều này có khả năng làm mất cân đối tài chính của Công ty.

Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư hơn 28 tỷ đồng vào việc đầu tư xây dựng cụm Khu công nghiệp Tân Ngãi. Khoản mục đầu tư này góp phần đẩy tổng tài sản dài hạn tăng gần 55% so với cùng kỳ và đạt 64 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2019.

Tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2019:

ĐVT: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	37.888.751.042	8.161.195.671	21,54%



Máy móc thiết bị	77.858.134.796	11.845.620.249	15,21%
Phương tiện vận tải	15.606.331.173	5.276.664.160	33,81%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.612.075.008	80.895.131	3,10%
TSCĐ khác	60.500.000	-	0,00%
Cộng	134.025.792.019	25.364.375.211	18,92%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	6.369.056.305	4.798.737.599	75,34%
Bảng quyền, bằng sáng chế	885.378.818	-	-
Phần mềm kế toán	729.532.000	-	-
Cộng	7.983.967.123	4.798.737.599	60,10%

b. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	TH 2019/ TH 2018	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019
Nợ ngắn hạn	128.176	99.847	77,90%	98,17%	98,10%
Nợ dài hạn	2.384	1.935	81,18%	1,83%	1,90%
Tổng nợ phải trả	130.560	101.782	77,96%	100%	100%

Nhận xét và Biểu đồ

Theo cùng với việc gia giảm của tổng tài sản, nợ phải trả cũng giảm tịnh tiến theo. Nhìn chung, cơ cấu nợ của TVP không có nhiều sự thay đổi từ năm 2018 đến năm 2019 khi nợ ngắn hạn vẫn chiếm 98% tỷ trọng nợ phải trả của Công ty.

c. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức: Tái cơ cấu tổ chức, chỉ tập trung hơn vào tinh gọn. Các chức danh với nhiệm vụ trách nhiệm được rõ ràng và nhân sự được sắp xếp đúng với năng lực của mình. Đồng thời, mở rộng thêm phòng ban chuyên trách nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Công tác quản lý điều hành:

- Kế thừa những ưu điểm của chính sách đã có, bổ sung sửa chữa cho phù hợp với tình hình sản xuất, kinh doanh mới
- Phân cấp phân quyền phân trách nhiệm cụ thể cho từng cấp quản lý. Giao ban định kỳ nên việc ra quyết định luôn nhanh chóng và trực tiếp;
- Xây dựng được các chính sách lương thưởng rõ ràng với trách nhiệm công việc;



- Áp dụng công nghệ thông tin vào hỗ trợ quản lý điều hành giảm thiểu báo cáo giấy tờ.
- Sử dụng phần mềm ERP - nhằm giúp doanh nghiệp quản trị các quy trình kinh doanh, chia sẻ thông tin giữa các phòng ban chức năng, giữa các công đoạn trong toàn bộ quy trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ dẫn đến những cải tiến vượt bậc trong hoạt động kinh doanh như gia tăng hiệu suất công việc, giảm chi phí (thời gian, nhân lực, vật lực), tăng doanh thu ...

Chiến lược phát triển sản phẩm:

Công ty đã đánh giá lại các gam sản phẩm hiện có, xây dựng chiến lược riêng cho từng sản phẩm chủ lực trong từng nhóm để khai thác được lợi thế riêng của từng sản phẩm trong phân khúc của nó:

- Đầu tư vào sản phẩm chủ lực theo xu hướng thị trường là một chiến lược của Công ty;
- Thiết kế lại bao bì sản phẩm;
- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Ký kết các nguồn cung ứng nguyên vật liệu chất lượng, uy tín.

Chiến lược quảng bá thương hiệu:

Xây dựng lại bộ nhận diện thương hiệu của Công ty;

- Đầu tư cho nhân sự và nội dung Digital marketing;
- Các hội nghị khách hàng về sản phẩm;
- Tài trợ event, quảng cáo báo chí chuyên ngành, ...

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Nhận định tình hình năm 2020

Thế mạnh của Doanh nghiệp

- TV.Pharm có một số sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao là điều kiện thuận lợi cho kênh ETC năm 2020.
- Đối với kênh OTC có chính sách kịp thời cho điểm bán và cho nhân viên rất hiệu quả.
- Thực hiện việc quản lý bán hàng, quản lý nhân viên qua DMS-Mobiwork, trang bị điều kiện tốt nhất cho sales.
- Triển khai việc quản lý trên ERP góp phần nâng cao việc quản lý và điều hành chung.

Thách thức đặt ra:

- Những khó khăn năm 2019 tiếp tục ảnh hưởng vào năm 2020
- Tình hình dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng nhiều đến việc kinh doanh nói chung kể cả ETC và OTC
- Nguyên liệu phần lớn ngoại nhập nên việc đáp ứng không kịp thời và giá cả tăng đột biến nên ảnh hưởng rất lớn đến việc sản xuất.



b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch năm 2020	%Kh 2020/ TH 2019
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	458,49	500	109,05%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	44,66	48	107,48%

Trong năm tới, Công ty chủ trương tăng cường cải thiện chất lượng sản phẩm, tiếp tục nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu. Đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do ĐHCĐ đề ra năm 2020.

Cùng với sự phát triển của Công ty, công tác phát triển thị trường và hoạt động xây dựng thương hiệu luôn được duy trì và uy tín sản phẩm TVP ngày càng khẳng định trên thị trường. Thông điệp về tầm nhìn và sứ mệnh của TVP luôn được truyền tải nhất quán đến khách hàng.

Các biện pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch trong năm 2020:

- Năm 2020, Công ty tham gia thị trường ETC các mặt hàng có lợi thế về chất lượng để nâng cao doanh số và lợi nhuận
- Hệ thống lưu thông phân phối Công ty đã được đầu tư nhiều năm trên toàn quốc, đến nay đội ngũ nhân sự đã ổn định và dần phát huy tác dụng.
- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện lực lượng nhân sự bán hàng.
- Phân loại và xây dựng chính sách đầu tư cho từng khu vực thị trường.
- Đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm với mục đích đáp ứng yêu cầu về nâng cao chất lượng sản xuất thuốc của Bộ y tế, cung ứng thuốc vào Hệ điều trị và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài.
- Đầu tư ngân sách cho truyền thông, marketing, đầu tư các chiến dịch quảng bá, xúc tiến bán cho các nhãn hàng chủ lực.
- Tiếp tục dự án xây dựng Cụm công nghiệp dược với Nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn EU-GMP tại Tỉnh Trà Vinh để mở rộng quy mô sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Hoàn thiện nhanh Dự án Nhà máy đông dược và dự kiến ra mắt sản phẩm vào năm 2020.

V. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Qua 27 năm hình thành và phát triển, Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.PHARM trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dược phẩm hàng đầu cả nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hoá đất nước và sự lớn mạnh của ngành Dược Việt Nam.

Phát triển bền vững với niềm tự hào của thuốc Việt

Từ một công ty dược địa phương xuất phát điểm gần như là con số 0, chặng đường 27 năm qua là giai đoạn TV. Pharm trải qua thời kỳ đổi mới đầy thử thách của nền kinh tế thị trường với nhiều khó khăn chồng chất. Tuy nhiên, với sự đoàn kết, nỗ lực của Ban lãnh đạo, cả tập thể cán bộ công nhân viên công ty qua từng giai đoạn biết phân lực hợp lý và vận dụng chính sách, biết nuôi dưỡng khát

vọng và sau bao nhiêu năm chắt chiu, tận dụng từng cơ hội nhỏ, TV. Pharm hôm nay ngày càng vươn lên lớn mạnh, trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh dược phẩm hàng đầu cả nước; góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước và sự lớn mạnh của ngành dược Việt Nam với những “quả ngọt” đơn vị gặt hái được rất ấn tượng.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	%TH2019/TH2018	%TH2019/KH2019
Doanh thu thuần	415.058	600.000	457.330	110,18%	76,22%
Lợi nhuận từ HĐKD	44.176	-	54.230	122,76%	-
Lợi nhuận khác	6.254	-	1.725	27,58%	-
Lợi nhuận trước thuế	50.430	48.000	55.955	110,95%	116,57%
Lợi nhuận sau thuế	40.144	-	44.661	111,25%	-
Cổ tức (% vốn điều lệ)	22%	20%	Đã ứng 12%	Công ty chưa tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019	

Về đánh giá tổng quan quá trình hoạt động trong năm 2019, nội lực TV.PHARM đã được củng cố và tăng lên rất nhiều:

- *Về Thương hiệu:* TV.PHARM ngày càng vững mạnh và được người tiêu dùng cả nước tin nhiệm thông qua các hoạt động cộng đồng được thực hiện liên tục trên cả nước; hoạt động marketing chăm sóc khách hàng cũng ngày càng được chú trọng chuyên nghiệp hơn.
- *Về Nhân sự:* cán bộ nhân viên đủ trình độ và năng lực, tâm huyết gắn bó lâu dài cùng Công ty. Ban điều hành đã đánh giá năng lực, lựa chọn phù hợp để bổ nhiệm những vị trí quản lý nòng cốt tạo thành bộ khung vững chắc để Công ty phát triển.
- *Về Nhà máy:*
 - Nhà máy sản xuất đã ổn định. Việc triển khai sản xuất theo các nguyên tắc GMP WHO, GLP, GSP, GDP và ISO 9001:2015 vẫn được duy trì và chú trọng để ngày hoàn thiện hơn. Chất lượng hàng sản xuất được đảm bảo ổn định, khẳng định hàng do TV.PHARM sản xuất có thể cạnh tranh với các Công ty bạn về chất lượng và mẫu mã, đáp ứng thị hiếu ngày càng cao của thị trường. Năng suất hoạt động nhà máy đã tăng lên đáng kể và đáp ứng tương đối nhu cầu hàng hóa của khối kinh doanh.
 - Đội ngũ quản lý Nhà máy đủ chuyên môn, công nhân lành nghề, đủ lực để có thể triển khai định hướng của HĐQT là đầu tư thêm Cụm sản xuất đạt tiêu chuẩn GMP – EU.
 - Thành lập được Hội đồng chuyên môn để xử lý và nâng cao hoạt động nghiên cứu sản xuất của Công ty.
 - Thành lập Tổ đăng ký sản phẩm mới để tìm sản phẩm chủ lực cho Công ty, đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng.



- Thành lập Ban an toàn để tăng cường công tác an toàn vệ sinh lao động trong hoạt động sản xuất.
- Về Hệ thống bán hàng:
 - Hệ thống mạng lưới phân phối của Công ty được tiếp tục củng cố và mở rộng khắp toàn quốc. Trong năm, các chi nhánh mới tại miền Bắc như Thanh Hóa, Nghệ An,... đi vào hoạt động ổn định và góp phần tăng tổng doanh thu của Công ty trong năm 2019.
 - Hệ thống khách hàng ổn định, mở rộng, bền vững qua thời gian.
 - Chính sách khoán doanh số, lương, thưởng cho nhân viên bán hàng được xây dựng và đổi mới phù hợp và hiệu quả để kích thích thu hút được nhân viên.
 - Phần mềm quản lý đơn hàng DMS đã giúp cho việc quản lý đơn hàng, xuất hóa đơn được tiện lợi và nhanh chóng đồng thời quản lý khách hàng và công nợ chặt chẽ hơn.
 - Tình trạng chiếm dụng công nợ khách hàng hoặc vi phạm quy định về chính sách bán hàng gây thiệt hại cho Công ty không còn tiếp diễn trong năm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Hội đồng quản trị giám sát việc thực hiện triển khai các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), cơ cấu tổ chức, nhân sự quản lý phù hợp với Điều lệ, Quy chế, quy định hiện hành của Công ty và Pháp luật Nhà nước.

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019. Sau khi thay đổi nhân sự trong năm, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc nên việc báo cáo cung cấp thông tin về các hoạt động cho HĐQT được thuận lợi.

Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của mình theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế, quy định nội bộ Công ty tạo cơ chế hoạt động thông suốt, hiệu quả ở từng lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Ban điều hành quán triệt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Những nhiệm vụ, mục tiêu trong hoạt động sản xuất kinh doanh được triển khai đồng bộ với các giải pháp cụ thể. HĐQT tiếp tục định hướng và chỉ đạo thực hiện chủ trương chính sách của Công ty trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục giữ vững và phát triển mạng lưới phân phối.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	500
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	48
3	Cổ tức	%	Công ty chưa tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019



Phương hướng hoạt động năm 2020:

Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2020:

- Duy trì sản xuất theo tiêu chuẩn GMP – WHO, hoàn thành đúng lộ trình nâng hệ thống sản xuất tiêu chuẩn GMP – EU đã đề ra. Đồng thời, kết hợp đầu tư cơ sở vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu hoàn thiện cụm công nghiệp Dược Tân Ngai.
- Vẫn tập trung chính vào thị trường nội địa, hoàn thiện dần hệ thống phân phối đến thị trường miền Bắc, miền Trung. Tiếp tục phát triển thị trường xuất khẩu truyền thống và tích cực đẩy mạnh ở một số thị trường mục tiêu là Châu Phi và các nước ASEAN.
- Đầu tư nâng cấp Nhà máy và các phân xưởng, đồng thời đầu tư cho các hoạt động R&D nghiên cứu về thành phần các hoạt chất chính và các công thức tá dược, định hướng sản xuất thuốc generic chất lượng cao.
- Tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên nâng cao năng lực chuyên môn, năng cao năng lực nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng và hoàn thiện những định hướng về chính sách nhân sự, chế độ lương thưởng và các phụ cấp để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác giám sát quản trị chất lượng sản phẩm, đầu tư công nghệ và hoàn thiện quy trình sản xuất theo quy định CPs và hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015.
- Tăng cường hiệu quả cho các chiến dịch Marketing và quảng bá cho các sản phẩm hướng đến mục tiêu xây dựng thương hiệu TV.Pharm vững mạnh.
- Tiếp tục phát triển hệ thống phân phối OTC đồng thời tập trung phát triển thị trường ETC: hệ thống các bệnh viện công lập và tư nhân, các phòng khám đa khoa, chuyên khoa, phòng khám đông y,... trên cả nước góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thị phần và nâng cao thương hiệu TV.Pharm.

VI. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tính đến ngày 07/03/2020:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP cá nhân sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bổ nhiệm
1	Hà Ngọc Sơn	Chủ tịch	289.245	-	30/07/2019
2	Nguyễn Đắc Hải	Thành viên	-	-	25/05/2019
3	Trần Thái Tùng	Thành viên	-	-	07/03/2020



Danh sách thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Đăng Nguyên	Phó chủ tịch		25/05/2019
2	Đặng Đức Hoàng	Thành viên		25/05/2019
3	Hà Ngọc Sơn	Thành viên		30/07/2019
	Hà Ngọc Sơn	Chủ tịch	30/07/2019	
4	Nguyễn Hồng Sơn	Chủ tịch		30/07/2019
	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	30/07/2019	
	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên		07/03/2020
5	Đình Nguyên Dũng	Thành viên		07/03/2020
6	Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	25/05/2019	
	Nguyễn Quang Vinh	Thành viên		07/03/2020
7	Trần Thái Tùng	Thành viên	25/05/2019	
8	Nguyễn Đức Hải	Thành viên	07/03/2020	

Lý lịch thành viên HĐQT:

1. Ông Hà Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT

Được trình bày chi tiết tại lý lịch Ban điều hành

2. Ông Trần Thái Tùng – Thành viên HĐQT

◆ Ngày sinh	06/02/1981
◆ Quốc tịch	Việt Nam
◆ Trình độ chuyên môn	Cử nhân
◆ Quá trình công tác	2003-10/2006: Kiểm toán viên cao cấp Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG Vietnam) 11/2006-12/2015: Phó Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn đầu tư Tâm Nhìn 01/2016-06/2017: Tư vấn Tài chính tự do 07/2017 – nay: - Phó Giám đốc Quản lý Danh mục Đầu tư CTCP Đầu tư Việt Nam – Ô man - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế (MEBIPHAR) - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần hạ tầng nước Sài Gòn (SII)



	05/2019-nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. PHARM
♦ Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TV.Pharm
♦ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Giám đốc Quản lý Danh mục Đầu tư CTCP Đầu tư Việt Nam – Ô man - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần dược phẩm và sinh học y tế (MEBIPHAR) - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần hạ tầng nước Sài Gòn (SII)

3. Ông Nguyễn Đắc Hải– Thành viên HĐQT

♦ Ngày sinh	10/11/1975
♦ Quốc tịch	Việt Nam
♦ Trình độ chuyên môn	Đại học
♦ Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - 1996 - 2004: Kế toán Tổng Hợp Công ty Dệt May Thành Công - 2004 - 01 /2017: Trưởng Phòng TCKT, Kế Toán Trưởng, Giám đốc Tài Chính, Phó TGD Kinh doanh - Tài chính Công ty CP Nhựa Rạng Đông - 02/2017 - 2018: Tổng Giám Đốc Công ty CP Nhựa Rạng Đông Long An - 11/2018 - 12/2019: Giám đốc Tài chính Công ty CP Aikya, Tổng Giám Đốc Công ty CP Dược Phẩm Sinh Học và Y Tế - 01/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược phẩm và Sinh học Y tế. - 07/03/2020 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TV.Pharm; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược phẩm và Sinh học Y tế.
♦ Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm TV.Pharm
♦ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Aikya Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dược phẩm và Sinh học Y tế

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Hà Ngọc Sơn	Chủ tịch	4/4	100 %	
2	Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	4/4	100 %	



3	Đinh Nguyên Dũng	Thành viên	4/4	100 %	
4	Nguyễn Quang Vinh	Thành viên	2/2	100 %	Do được bổ nhiệm 25/5/2019
5	Trần Thái Tùng	Thành viên	2/2	100 %	Do được bổ nhiệm 25/5/2019

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	NQ 01/2019/NQ-HĐQT	Ngày 11/1/2019	Thông nhất phê duyệt Phương án triển khai phần mềm ERP.
2	NQ 02 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 26/2/2019	Tiếp nhận Đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Đăng Nguyên
3	NQ 03/2019/NQ - HĐQT	Ngày 22/3/2019	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018; Thông nhất chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2019 trình ĐHĐCĐ; Thông nhất quỹ thù lao HĐQT và BKS năm 2019 trình ĐHĐCĐ; Thông nhất thông qua Phương án phân chia thù lao HĐQT và BKS năm 2019; Thông nhất việc đầu tư Nhà máy Đông dược; Thông nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2018 phê chuẩn việc CTHĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty; Thông nhất dừng Chương trình phát hành cổ phiếu ESOP và sẽ báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Các nội dung phát hành khác đã thông qua vẫn tiến hành; Dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 khoảng giữa tháng 05/2019. Thông nhất giao cho Tổng giám đốc chọn ngày chốt danh sách, ngày tổ chức đại hội, chuẩn bị Chương trình, tài liệu đại hội trình Cổ đông.
4	NQ 04 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 28/3/2019	Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2018 như sau: - Tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2018 bằng tiền - Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
5	NQ 06 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 16/4/2019	Thông nhất bổ nhiệm Ông Lê Thanh Tùng giữ chức danh Phó Tổng giám đốc kinh doanh kiêm Giám đốc Kênh OTC; Thông nhất miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc kinh doanh đối với Ông Nguyễn Thành Sĩ và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty; Thông nhất miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất đối với Ông Nguyễn Văn Tầm và bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc phụ trách Dự án phát triển Cụm công nghiệp dược – sản phẩm sản xuất mới; Thông nhất bổ nhiệm Ông Sơn Cao Thắng giữ chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách Nhà máy sản xuất.
6	NQ 07 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 16/4/2019	Thông qua chi tiết Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiệu hữu để tăng vốn điều lệ năm 2019; Thông qua bộ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
7	NQ 08 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 05/4/2019	Ủy quyền cho TGD tiếp tục quan hệ tín dụng với Ngân hàng.
8	NQ 09 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 20/5/2019	Về việc xử lý Đơn xin từ nhiệm của Ông Đặng Đức Hoàng – TV HĐQT
9	NQ 10 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 30/7/2019	Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng 2019; Thông qua dự kiến chi phí đầu tư Nhà máy đông dược; Phê duyệt việc mở hạn mức tín dụng; Thông nhất miễn nhiệm Ông Nguyễn Hồng Sơn thôi giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 30/7/2019; Thông nhất bầu Ông Hà Ngọc Sơn giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 30/7/2019.
10	NQ 11 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 05/8/2019	Thông qua Phương thức xử lý số cổ phần không chào bán hết
11	NQ 12 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 01/11/2019	Thay đổi Phương án đầu tư Nhà máy đông dược.
12	NQ 13 /2019/NQ - HĐQT	Ngày 29/11/2019	Thông qua báo cáo dự kiến kết quả kinh doanh năm 2019; Thông qua Báo cáo về Dự án đầu tư Khu dược phẩm công nghệ cao TV.PHARM và Nhà máy GMP-EU; Thông qua chủ trương đầu tư các máy móc, thiết bị cho Phân xưởng tiêm bột Nhà máy betalactam ; Thông qua đề xuất



STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
			thanh lý hàng tồn kho kém, mất phẩm; Thông qua chủ trương tạm hoãn phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ năm 2019. Thời điểm phát hành chính thức sẽ được Hội đồng quản trị trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất quyết định; Thông qua việc điều chỉnh Phương thức phân chia thù lao HĐQT và BKS; Theo quy định Nghị định số 71/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về quản trị Công ty đại chúng áp dụng từ tháng 8/2020 về việc Chủ tịch HĐQT Công ty đại chúng không được kiêm Tổng giám đốc, HĐQT đồng ý chuẩn bị cho việc tách chức danh CT HĐQT kiêm TGD đối với Ông Hà Ngọc Sơn.
13	NQ 14/2019/NQ - HĐQT	Ngày 16/12/2019	Thông qua việc xử lý Đơn xin từ nhiệm của Ông Nguyễn Hồng Sơn – Thành viên HĐQT

a. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

b. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Với quy định hoạt động và cơ cấu tổ chức của TVP hiện tại, Hội đồng quản trị xét thấy có đủ năng lực thực hiện công tác quản trị thống nhất cho toàn công ty, vì vậy, không thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

2. Ban Kiểm soát

a. Danh sách Kiểm soát viên

Danh sách Kiểm soát viên tính đến ngày 07/03/2020 như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ngày bổ nhiệm
1	Nguyễn Văn Quang	Trưởng ban	-	-	
2	Trần Đức Hoài	Thành viên	-	-	25/05/2019
3	Hàng Phúc Lâm	Thành viên	-	-	07/03/2020

1. Ông Nguyễn Văn Quang – Trưởng Ban Kiểm soát

◆ Ngày sinh	25/01/1987
◆ Quốc tịch	Việt Nam
◆ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán



◆ Quá trình công tác	<p>2011: Trợ lý kiểm toán - Công ty THHH kiểm toán và tư vấn Đất Việt</p> <p>2012: Kế toán viên - Công ty CP Phú Quý Thủy Mộc</p> <p>2013 – 2017:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế toán tổng hợp - Công ty CP Đầu tư và xây dựng Cấp Thoát Nước (Waseco). - Kế toán trưởng Chi nhánh Waseco Đăklăk. - Kế toán trưởng Nhà máy nước ĐăkMil. <p>2017- nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Dược phẩm TV. Pharm. - Kế toán tổng hợp - Công ty Cổ phần Aikya; - Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Dược phẩm và Sinh học Y tế.
◆ Chức vụ hiện tại	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Dược phẩm TV.Pharm
◆ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Kế toán tổng hợp - Công ty Cổ phần Aikya; Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Dược phẩm và Sinh học Y tế

5. Ông Trần Đức Hoài – Kiểm soát viên

◆ Ngày sinh	15/04/1964
◆ Quốc tịch	Việt Nam
◆ Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
◆ Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - 1987-1990: Kế toán tăng cường UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn - 1990-1995: Kế toán tổng hợp Công ty XNK – Đầu tư Hóc Môn - 1995-1997: Kế toán viên Công ty Bảo Minh - 1994-2004: Phó phòng kế toán Công ty Đầu tư – XD – KCN Tân Thới Hiệp - 2004-2008: Trưởng phòng kế toán CTCP Bảo hiểm Viễn Đông - 2008-2009: Phó phòng Kế toán CTCP Địa ốc Sài Gòn - 2010-2017: Giám đốc phòng Kiểm tra/Kiểm toán nội bộ Công ty Bảo hiểm AAA - 2017-nay: Giám đốc phòng KSNB- Tuân thủ Công ty Bảo hiểm Viễn Đông - 05/2019-nay: Kiểm soát viên CTCP Dược phẩm TV. Pharm
◆ Chức vụ hiện tại	Kiểm soát viên tại CTCP Dược phẩm TV. Pharm
◆ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc phòng KSNB- Tuân thủ Công ty Bảo hiểm Viễn Đông

6. Ông Hàng Phúc Lâm – Kiểm soát viên



◆ Ngày sinh	01/09/1978
◆ Quốc tịch	Việt Nam
◆ Trình độ chuyên môn	Cử nhân
◆ Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - 09/1999 - 01/2002: Kế toán tổng hợp Công ty CP XNK cầu Tre - 02/2002 - 03/2008: Phó phòng kế toán BQL dự án điện lực Miền Nam - Tổng Công ty điện lực Miền Nam - 04/2008 - 09/2009: Kế toán trưởng Công ty CP Công Nghệ Mạng Việt Thành Công - 09/2009 - 01/2011: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Thái Bảo, Công ty CP Điện lực Hoàng Gia, Công ty CP Viễn Thông Ánh Sao Việt Á Châu thuộc Công ty CP Tập đoàn ASV - 02/2011 - 03/2019: Trợ Lý Tổng Giám đốc CTCP Phát triển Đầu tư Sài Gòn Tây Bắc thuộc tập đoàn Saigoninvest - 10/2013 - 08/2015: Kế toán trưởng Ngân hàng Kookmin Hàn Quốc - 01/2016 - 11/2019: Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH PKF Việt Nam- CN TP.HCM, kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán Đông Nam Á - 07/03/2020: Kiểm soát viên tại CTCP Dược phẩm TV. Pharm
◆ Chức vụ hiện tại	Kiểm soát viên tại CTCP Dược phẩm TV. Pharm
◆ Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Aikya.

Danh sách thay đổi Kiểm soát viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Hữu Phước	Thành viên	-	25/05/2019
2	Trần Đức Hoài	Thành viên	25/05/2019	-
3	Huỳnh Thị Hồng Xuân	Thành viên	-	07/03/2020
4	Hàng Phúc Lâm	Thành viên	07/03/2020	-

b. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do
1	Nguyễn Văn Quang	Trưởng ban	4/4	100%	-
2	Trần Đức Hoài	Thành viên	3/3	100%	bổ nhiệm ngày 25/05/2019



3.	Lê Hữu Phước	Thành viên	1/1	100%	miễn nhiệm ngày 25/05/2019
3	Huỳnh Thị Hồng Xuân	Thành viên	4/4	100%	

c. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát đã có 4 cuộc họp. Các thành viên đã tham dự đầy đủ, nội dung các cuộc họp bao gồm báo cáo công việc được phân công và trao đổi thông tin để nắm bắt tình hình quản trị, điều hành của Công ty.

Qua kiểm tra, BKS nhận thấy:

- Sổ sách, phần mềm kế toán cập nhật đầy đủ, rõ ràng, ghi nhận đầy đủ các số liệu theo đúng qui định của Công ty và các chuẩn mực kế toán. Các chứng từ thanh toán đầy đủ tính hợp pháp, hợp lý.
- Công nợ, số dư tiền gửi, tiền vay, số liệu tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm,... được theo dõi đầy đủ, chi tiết có đối chiếu và xác nhận. Ban kiểm soát nội bộ có gửi báo cáo & phối hợp cùng Ban kiểm soát để theo dõi.
- Các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2019 được lập đúng biểu mẫu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành. Số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2019 đã được thể hiện đầy đủ, kịp thời, rõ ràng, chính xác, trung thực và hợp lý; đã được kiểm toán độc lập.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

- Đưa ra những kiến nghị với Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều hành về chính sách sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách thị trường,... Đánh giá hiệu quả kinh doanh và chương trình bán hàng của Công ty.
- Tham gia công tác kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động các Chi nhánh của Công ty, nhằm tăng cường công tác quản lý của Công ty đối với các đơn vị này;
- Tham gia cùng HĐQT trong việc lựa chọn Công ty kiểm toán;
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ và bất thường;
- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, pháp luật trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Kiểm soát báo cáo tài chính năm 2019;
- Ban Kiểm soát tham gia trong tất cả các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình;
- Kiểm soát việc thực hiện các qui trình đầu tư, mua sắm và thanh lý tài sản.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:



Tên cổ đông nội bộ	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Cổ đông lớn						
Hoàng Văn Thao	CĐ lớn	-	Mua	1.161.473	1.161.473	30/1/2019
Hoàng Văn Thao	CĐ lớn	1.211.114	Mua	826.499	2.037.613	3/6/2019
Hoàng Văn Thao	CĐ lớn	2.037.613	Mua	370.091	2.407.704	3/12/2020
Hoàng Văn Thao	CĐ lớn	2.407.704	Bán	2.407.704	-	6/11/2019
Công ty cổ phần dược Aikya	CĐ lớn	6.707.993	Mua	2.407.704	9.115.697	6/12/2019
Cổ đông nội bộ						
Nguyễn Đăng Nguyên	TV HĐQT	754.261	Bán	754.261	-	30/1/2019
Hà Ngọc Sơn	CT HĐQT kiêm TGD	-	Mua	174.278	174.278	06/3 -04/4/2019
Hà Ngọc Sơn	CT HĐQT kiêm TGD	174.278	Mua	49.267	223.545	19/4-19/5/2019
Hà Ngọc Sơn	CT HĐQT kiêm TGD	223.545	Mua	62.800	286.345	29/10-22/11/2019
Hà Ngọc Sơn	CT HĐQT kiêm TGD	286.345	Mua	2.900	289.245	03/12-31/12/2019

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Quản trị Công ty được TV.Pharm xác định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn. Bên cạnh việc xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam kết hợp với việc vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị Công ty, TV.Pharm đã ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Năm 2019, Công ty đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường nhưng đảm bảo phát huy được bản sắc riêng và các giá trị cốt lõi của TVP; tối ưu hóa các

công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động, đồng thời phải gắn được lợi ích của từng cá nhân với hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Cử Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4177-2017-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2020



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		300.772.411.590	336.830.916.664
110	i. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	10.385.431.968	25.776.561.176
111	1. Tiền		10.385.431.968	15.776.561.176
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
130	ii. Các khoản phải thu ngắn hạn		184.203.649.734	183.581.407.340
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	88.733.321.105	89.730.125.592
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.224.743.730	1.673.800.013
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	88.707.315.068	95.707.315.068
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	8.443.649.388	2.910.185.023
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(11.636.574.011)	(9.389.285.019)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	9	3.731.194.454	2.949.266.663
140	iii. Hàng tồn kho	10	104.817.918.372	126.108.772.731
141	1. Hàng tồn kho		106.986.476.285	126.281.373.554
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.168.557.913)	(172.600.823)
150	iv. Tài sản ngắn hạn khác		1.365.411.516	1.364.175.417
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	505.490.789	489.215.419
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	859.920.727	874.959.998
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		64.689.505.875	41.755.895.847
210	i. Khoản phải thu dài hạn		711.636.688	698.636.688
216	1. Phải thu dài hạn khác		711.636.688	698.636.688
220	ii. Tài sản cố định		30.163.112.810	34.809.080.493
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	25.364.375.211	30.145.641.714
222	Nguyên giá		134.025.792.019	134.108.239.358
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(108.661.416.808)	(103.962.597.644)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.798.737.599	4.663.438.779
228	Nguyên giá		7.983.967.123	7.720.967.123
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.185.229.524)	(3.057.528.344)
240	iii. Tài sản dở dang dài hạn		28.245.644.945	784.236.364
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	28.245.644.945	784.236.364
260	iv. Tài sản dài hạn khác		5.569.111.432	5.463.942.302
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	5.569.111.432	5.463.942.302
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		365.461.917.465	378.586.812.511



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (chưa kiểm toán)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		101.782.009.281	130.559.931.130
310	I. Nợ ngắn hạn		99.847.041.928	128.176.301.278
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	38.391.939.490	40.943.159.586
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		355.718.584	3.771.656.759
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	7.214.883.964	5.705.686.674
314	4. Phải trả người lao động		6.918.113.794	6.692.563.869
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	3.509.784.619	8.820.016.716
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.401.845.260	41.111.192.684
320	7. Vay ngắn hạn	19	38.879.672.798	20.770.153.100
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		175.083.419	361.871.890
330	II. Nợ dài hạn		1.934.967.353	2.383.629.852
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	76.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		1.934.967.353	2.307.629.852
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	263.679.908.184	248.026.881.381
410	I. Vốn chủ sở hữu		263.679.908.184	248.026.881.381
411	1. Vốn cổ phần		110.879.360.000	110.879.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		110.879.360.000	110.879.360.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.063.108.125	3.063.108.125
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.540.000)	(1.540.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		105.078.453.516	93.942.159.866
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.660.526.543	40.143.793.390
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		44.660.526.543	40.143.793.390
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		365.461.917.465	378.586.812.511

Nguyễn Thị Hồng Cẩm
Người lập kiểm Kế toán trưởng



Hà Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2020



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
01	1. Doanh thu bán hàng	21.1	458.489.024.611	417.717.578.081
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(1.159.404.241)	(2.659.263.418)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	457.329.620.370	415.058.314.663
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(297.850.044.568)	(246.923.043.325)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		159.479.575.802	168.135.271.338
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	6.814.808.766	4.219.083.370
22	7. Chi phí tài chính	23	(5.866.825.285)	(3.588.396.894)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.467.414.167)	(817.919.003)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(82.948.022.538)	(103.156.785.182)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(23.249.646.376)	(21.432.709.763)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		54.229.890.369	44.176.462.869
31	11. Thu nhập khác	25	1.880.040.549	6.450.114.211
32	12. Chi phí khác		(155.234.104)	(196.202.267)
40	13. Lợi nhuận khác		1.724.806.445	6.253.911.944
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.954.696.814	50.430.374.813
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(11.294.170.271)	(10.286.581.423)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		44.660.526.543	40.143.793.390
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	3.666	3.422
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	3.666	3.422

Nguyễn Thị Hồng Cẩm
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hà Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2020



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.954.696.814	50.430.374.813
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	6.693.292.897	6.981.457.833
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		4.243.246.082	(86.849.962)
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.032.677	(53.940.561)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.120.094.814)	(8.333.403.790)
06	Chi phí lãi vay		2.467.414.167	817.919.003
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		64.240.587.823	49.755.557.336
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(9.358.284.555)	18.614.447.597
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		19.294.897.269	(32.861.513.371)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(48.237.661.813)	34.416.975.244
12	Tăng chi phí trả trước		(121.444.500)	(2.747.974.378)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.467.414.167)	(817.919.003)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(9.925.069.079)	(10.011.457.572)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.801.167.811)	(4.315.485.543)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.624.443.167	52.032.630.310
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(29.508.733.795)	(11.060.061.045)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		36.363.636	7.283.708.982
23	Tiền chi cho vay	7	(35.000.000.000)	(45.707.315.068)
24	Tiền thu hồi cho vay	7	42.000.000.000	-
27	Lãi tiền gửi nhận được		4.572.331.244	3.186.717.183
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(17.900.038.915)	(46.296.949.948)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	19	225.018.139.868	146.401.859.393
34	Tiền trả nợ gốc vay	19	(206.908.620.168)	(125.631.706.293)
36	Cổ tức đã trả		(24.225.011.700)	(21.975.223.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(6.115.492.002)	(1.205.070.700)



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

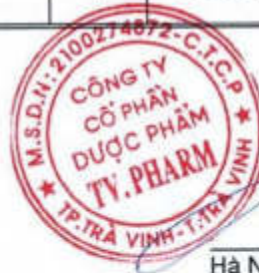
B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(15.391.087.750)	4.530.609.662
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		25.776.561.176	21.247.882.963
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(41.458)	(1.931.449)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	10.385.431.968	25.776.561.176

Nguyễn Thị Hồng Cẩm
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hà Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2020



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Dược Phẩm TV.Pharm ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100274872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 9 tháng 5 năm 2003, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM - sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCKHN") với mã TVP theo Quyết định số 589/QĐ-SGDHN do SGDCKHN cấp ngày 9 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu thuốc, hóa dược, dược liệu; đồ uống không cồn và nước khoáng; bán buôn đồ dùng khác cho gia đình và bán buôn đồ uống.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 27 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có mười hai (12) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 698 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 652).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền, và hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và các hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	32 - 50 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 17 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 9 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	6 năm

3.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và được đưa vào hoạt động.

3.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10. Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.13 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	403.132.900	1.506.741.250
Tiền gửi ngân hàng	9.982.299.068	14.269.819.926
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	10.385.431.968	25.776.561.176



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	<u>88.733.321.105</u>	<u>89.730.125.592</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.752.061.426	6.828.036.714
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	3.800.680.387	3.217.991.288
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(2.439.429.811)</u>	<u>(2.293.966.576)</u>
Số cuối năm	<u>9.113.312.002</u>	<u>7.752.061.426</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM-DV Kỹ Thuật Điện Lạnh DLC	3.302.146.490	-
Công Ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng		
Trang trí Nội thất Vi Na	1.791.803.200	-
Khác	<u>1.130.794.040</u>	<u>1.673.800.013</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.224.743.730</u>	<u>1.673.800.013</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Công ty Cổ Phần Aikya	55.707.315.068	15.000.000.000	(2.000.000.000)	68.707.315.068
Công ty Cổ phần Dược Aikya	<u>40.000.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>(40.000.000.000)</u>	<u>20.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>95.707.315.068</u>	<u>35.000.000.000</u>	<u>(42.000.000.000)</u>	<u>88.707.315.068</u>



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ Phần Aikya	68.707.315.068	Từ ngày 3 tháng 1 năm 2020 đến ngày 24 tháng 6 năm 2020	7	Tín chấp
Công ty Cổ phần Dược Aikya (*)	20.000.000.000	Ngày 1 tháng 6 năm 2020	7	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>88.707.315.068</u>			

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản vay ngắn hạn cho Công ty Cổ phần Dược Aikya, công ty mẹ với giá trị là 20.000.000.000 VND. Vào ngày 20 tháng 1 năm 2020, khoản vay này đã được Công ty thu hồi, theo yêu cầu tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tam ứng cho nhân viên	5.640.338.930	(85.232.572)	633.879.616	(85.232.572)
Lãi vay phải thu	2.226.355.456	-	1.714.955.522	-
Ký quỹ, ký cược	36.138.816	-	77.527.375	-
Khác	540.816.186	-	483.822.510	-
TỔNG CỘNG	<u>8.443.649.388</u>	<u>(85.232.572)</u>	<u>2.910.185.023</u>	<u>(85.232.572)</u>
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu bên khác</i>	6.217.293.932		1.195.229.501	
<i>Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	2.226.355.456		1.714.955.522	

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm và số cuối năm	<u>85.232.572</u>	<u>85.232.572</u>



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu trình dược viên	3.731.194.454	(2.438.029.437)	2.949.266.663	(1.551.991.021)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.551.991.021	2.499.950.388
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	972.691.294	241.051.050
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(86.652.878)	(1.189.010.417)
Số cuối năm	2.438.029.437	1.551.991.021

10. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	52.762.040.369	(1.174.554.267)	59.638.857.356	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	25.522.108	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	6.570.443.304	-	9.617.215.166	-
Thành phẩm	19.149.062.996	(994.003.646)	25.246.282.047	(172.600.823)
Hàng hóa	1.470.619.163	-	3.422.618.748	-
Hàng gửi bán	27.034.310.453	-	28.330.878.129	-
TỔNG CỘNG	106.986.476.285	(2.168.557.913)	126.281.373.554	(172.600.823)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	172.600.823	235.516.130
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	2.168.557.913	172.600.823
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(172.600.823)	(235.516.130)
Số cuối năm	2.168.557.913	172.600.823

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	37.888.751.042	78.808.782.994	14.671.534.404	2.678.670.918	60.500.000	134.108.239.358
Mua trong năm	-	475.088.850	1.309.236.364	-	-	1.784.325.214
Thanh lý	-	(1.425.737.048)	(374.439.595)	(66.595.910)	-	(1.866.772.553)
Số cuối năm	37.888.751.042	77.858.134.796	15.606.331.173	2.612.075.008	60.500.000	134.025.792.019
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	15.685.420.308	56.256.514.557	8.027.078.950	2.410.514.918	60.500.000	82.440.028.733
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	28.043.231.234	63.590.692.011	9.777.096.776	2.494.438.719	57.138.904	103.962.597.644
Khấu hao trong năm	1.684.324.137	3.847.559.584	927.009.832	103.337.068	3.361.096	6.565.591.717
Thanh lý	-	(1.425.737.048)	(374.439.595)	(66.595.910)	-	(1.866.772.553)
Số cuối năm	29.727.555.371	66.012.514.547	10.329.667.013	2.531.179.877	60.500.000	108.661.416.808
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	9.845.519.808	15.218.090.983	4.894.437.628	184.232.199	3.361.096	30.145.641.714
Số cuối năm	8.161.195.671	11.845.620.249	5.276.664.160	80.895.131	-	25.364.375.211
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)	3.404.646.312	-	-	-	-	3.404.646.312



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	6.106.056.305	885.378.818	729.532.000	7.720.967.123
Mua mới trong năm	<u>263.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>263.000.000</u>
Số cuối năm	<u>6.369.056.305</u>	<u>885.378.818</u>	<u>729.532.000</u>	<u>7.983.967.123</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	<i>885.378.818</i>	<i>729.532.000</i>	<i>1.614.910.818</i>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	1.442.617.526	885.378.818	729.532.000	3.057.528.344
Hao mòn trong năm	<u>127.701.180</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>127.701.180</u>
Số cuối năm	<u>1.570.318.706</u>	<u>885.378.818</u>	<u>729.532.000</u>	<u>3.185.229.524</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>4.663.438.779</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.663.438.779</u>
Số cuối năm	<u>4.798.737.599</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>4.798.737.599</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	<i>3.837.753.119</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3.837.753.119</i>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hạng mục cụm Công nghiệp Tân Ngai	27.112.213.214	-
Lô đất ở Trà Vinh	720.000.000	720.000.000
Phần mềm ERP	349.195.367	-
Hạng mục khác	<u>64.236.364</u>	<u>64.236.364</u>
TỔNG CỘNG	<u>28.245.644.945</u>	<u>784.236.364</u>



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	505.490.789	489.215.419
Công cụ, dụng cụ	156.338.790	132.797.428
Khác	349.151.999	356.417.991
Dài hạn	5.569.111.432	5.463.942.302
Chi phí kiểm nghiệm	3.787.865.082	3.332.500.000
Công cụ, dụng cụ	1.415.407.694	1.403.014.016
Khác	365.838.656	728.428.286
TỔNG CỘNG	6.074.602.221	5.953.157.721

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán khác	25.564.160.801	38.983.005.853
- DSM Sinochem Pharmaceuticals (ZIBO) Co., Ltd.	6.271.290.000	-
- Công ty TNHH Francopia	-	4.980.522.000
- Phải trả đối tượng khác	19.292.870.801	34.002.483.853
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	12.827.778.689	1.960.153.733
TỔNG CỘNG	38.391.939.490	40.943.159.586

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	874.959.998	37.936.842.442	(37.951.881.713)	859.920.727
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	7.523.277.517	(7.138.418.446)	384.859.071
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.425.069.079	11.294.170.271	(9.925.069.079)	6.794.170.271
Thuế thu nhập cá nhân	235.176.014	947.175.272	(1.146.496.664)	35.854.622
Thuế khác	45.441.581	15.000.000	(60.441.581)	-
TỔNG CỘNG	5.705.686.674	19.779.623.060	(18.270.425.770)	7.214.883.964



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	3.241.578.837	8.101.039.530
Khác	268.205.782	718.977.186
TỔNG CỘNG	<u>3.509.784.619</u>	<u>8.820.016.716</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	3.190.810.087	40.000.000.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	233.935.251	256.769.970
Khác	977.099.922	854.422.714
TỔNG CỘNG	<u>4.401.845.260</u>	<u>41.111.192.684</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả bên khác</i>	4.401.845.260	1.111.192.684
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	-	40.000.000.000

B09-DN

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY NGÂN HẠN

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm	VND
Vay ngân hàng	10.770.153.100	185.518.139.866	(177.708.620.168)	18.579.672.798	
Vay cá nhân	10.000.000.000	39.500.000.000	(29.200.000.000)	20.300.000.000	
TỔNG CỘNG	20.770.153.100	225.018.139.866	(206.908.620.168)	38.879.672.798	
Chi tiết khoản cho vay ngắn hạn các ngân hàng và cá nhân được trình bày như sau:					
Bên cho vay	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh	12.441.146.373	Ngày 15 tháng 5 năm 2020	6,4	Bổ sung vốn lưu động	Nhà cửa, và quyền sử dụng đất giá trị lần lượt là 1.984.720.911 VND, và 987.154.146 VND (Thuyết minh số 11 và 12)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	6.138.526.425	Ngày 24 tháng 6 năm 2020	6,5	Bổ sung vốn lưu động	Nhà cửa, và quyền sử dụng giá trị lần lượt là 1.419.925.401 VND, và 2.850.598.973 VND (Thuyết minh số 11 và 12)
Bà Nguyễn Thu Hương	20.300.000.000	Từ 22 tháng 4 năm 2020 đến 25 tháng 6 năm 2020	2	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp
TỔNG CỘNG	38.879.672.798				

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU
20.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Năm trước:						
Số dư đầu năm	110.879.360.000	3.063.108.125	(1.540.000)	76.026.720.791	43.989.415.386	233.957.064.302
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	40.143.793.390	40.143.793.390
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	17.915.439.075	(17.915.439.075)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.699.470.769)	(2.699.470.769)
Trích khen thưởng Ban điều hành vượt kế hoạch	-	-	-	-	(1.198.941.542)	(1.198.941.542)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(22.175.564.000)	(22.175.564.000)
Số cuối năm	110.879.360.000	3.063.108.125	(1.540.000)	93.942.159.866	40.143.793.390	248.026.881.381
Năm nay:						
Số đầu năm	110.879.360.000	3.063.108.125	(1.540.000)	93.942.159.866	40.143.793.390	248.026.881.381
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	44.660.526.543	44.660.526.543
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	11.136.293.650	(11.136.293.650)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.614.379.340)	(4.614.379.340)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(24.393.120.400)	(24.393.120.400)
Số cuối năm	110.879.360.000	3.063.108.125	(1.540.000)	105.078.453.516	44.660.526.543	263.679.908.184



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần VND	% sở hữu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Công ty Cổ phần Dược Aikya	91.156.970.000	82,2	67.079.930.000	60,5
Cổ đông khác	19.722.390.000	17,8	43.799.430.000	39,5
TỔNG CỘNG	110.879.360.000	100	110.879.360.000	100

20.3 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	11.087.936	11.087.936
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.087.936 11.087.936	11.087.936 11.087.936
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154 154	154 154
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.087.782 11.087.782	11.087.782 11.087.782

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	458.489.024.611	417.717.578.081
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	395.313.595.053	395.234.325.844
Doanh thu bán hàng hóa	63.175.429.558	22.483.252.237
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.159.404.241)	(2.659.263.418)
Hàng bán trả lại	(1.159.404.241)	(2.659.263.418)
Doanh thu thuần	457.329.620.370	415.058.314.663
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	394.728.600.695	393.964.218.040
Doanh thu bán hàng hóa	62.601.019.675	21.094.096.623
Trong đó:		
Doanh thu cho bên khác	429.809.201.834	408.017.142.592
Doanh thu cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	27.520.418.536	7.041.172.071

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.083.731.178	4.025.727.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.731.077.588	193.355.870
TỔNG CỘNG	6.814.808.766	4.219.083.370

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn thành phẩm	236.211.990.846	226.638.965.964
Giá vốn hàng hóa	61.638.053.722	20.284.077.361
TỔNG CỘNG	297.850.044.568	246.923.043.325

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chiết khấu thanh toán	3.127.259.448	2.273.095.803
Lãi tiền vay	2.467.414.167	817.919.003
Lỗ chênh lệch tỷ giá	272.151.670	497.382.088
TỔNG CỘNG	5.866.825.285	3.588.396.894



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	82.948.022.538	103.156.785.182
Chi phí nhân viên	35.062.972.325	33.558.129.458
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	29.322.788.454	48.023.517.765
Chi phí khấu hao và hao mòn	923.370.664	922.846.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	195.936.090	749.561.228
Chi phí khác	17.442.955.005	19.902.730.262
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.249.646.376	21.432.709.763
Chi phí nhân viên	11.896.927.973	11.405.719.018
Chi phí trích lập dự phòng	2.247.288.992	320.773.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	750.421.634	529.157.684
Chi phí khấu hao và hao mòn	577.040.556	591.967.604
Chi phí khác	7.777.967.221	8.585.091.887
TỔNG CỘNG	106.197.668.914	124.589.494.945

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.880.040.549	6.450.114.211
Tiền phạt thu được	760.770.852	1.075.205.210
Xử lý hàng tồn kho thừa sau kiểm kê	532.744.787	480.200.070
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	36.363.637	4.307.676.290
Thu nhập khác	550.161.273	587.032.641
Chi phí khác	(155.234.104)	(196.202.267)
Chi phí khác	(155.234.104)	(196.202.267)
TỔNG CỘNG	1.724.806.445	6.253.911.944

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	209.911.093.782	215.661.937.849
Chi phí nhân viên	64.229.001.799	62.361.366.107
Giá vốn hàng hóa	61.638.053.722	20.284.077.361
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.944.909.829	58.086.853.727
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	6.693.292.897	6.981.457.833
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.247.288.992	257.858.263
Chi phí khác	11.240.081.548	13.402.251.501
TỔNG CỘNG	394.903.722.569	377.035.802.641



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>11,294,170,271</u>	<u>10.286.581.423</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	VND
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>55.954.696.814</u>	<u>50.430.374.813</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	11,190,939,363	10,086,074,963
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	177,763,408	262,781,519
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	<u>(74,532,500)</u>	<u>(62,275,059)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>11.294.170.271</u>	<u>10.286.581.423</u>

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

B09-DN

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ Phần Aikya	Công ty mẹ cao nhất	Cho vay Lãi cho vay Cổ tức chia trong năm	15.000.000.000 4.001.155.890 -	5.707.315.608 3.847.338.344 6.707.993.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng Nhận đặt cọc Thuê văn phòng Bán hàng Lãi đặt cọc	53.644.395.725 - 405.000.000 27.520.418.536 489.863.014	16.987.794.643 40.000.000.000 245.545.546 7.041.172.071 -
Công ty Cổ phần Dược Aikya	Công ty mẹ	Cho vay Lãi cho vay Cổ tức chia trong năm	20.000.000.000 961.643.836 17.646.829.400	40.000.000.000 - 6.707.993.000

B09-DN

Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Aikya	Công ty mẹ cao nhất	Cho vay ngắn hạn	68.707.315.068	55.707.315.068	
Công ty Cổ phần Dược Aikya	Công ty mẹ	Cho vay ngắn hạn	20.000.000.000	40.000.000.000	
			88.707.315.068	95.707.315.068	
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Aikya	Công ty mẹ cao nhất	Lãi vay phải thu	1.754.574.634	1.714.955.522	
Công ty Cổ phần Dược Aikya	Công ty mẹ	Lãi vay phải thu	471.780.822	-	
			2.226.355.456	1.714.955.522	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa	12.827.778.689	1.960.153.733	
Phải trả ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Sinh học Y tế	Công ty trong cùng Tập đoàn	Đặt cọc	-	40.000.000.000	



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

29.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

29.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2019 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	44.660.526.543	40.143.793.390
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(4.014.379.340)</u>	<u>(2.199.470.769)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>40.646.147.203</u>	<u>37.944.322.621</u>
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	<u>11.087.782</u>	<u>11.087.782</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND)	3.666	3.422
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND)	3.666	3.422

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.



Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê nhà kho, nhà cho các nhân viên người nước ngoài và phần diện tích đất nơi Công ty có văn phòng và nhà máy theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	2.519.027.273	2.465.781.818
Từ 1 đến 5 năm	3.954.009.091	5.144.545.455
Trên 5 năm	382.400.000	478.000.000
TỔNG CỘNG	6.855.436.364	8.088.327.273

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nguyễn Thị Hồng Cẩm
 Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hà Ngọc Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2020





CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TV.PHARM
TV.PHARM PHARMACEUTICAL JSC

Trà Vinh, ngày 15 tháng 4 năm 2020

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Tổng giám đốc



HÀ NGỌC SƠN